

THOÁT VÒNG SANH TỬ'

MỤC LỤC

Đề mục	Trang
Lời tựa	4
Chương 1: Thoát vòng sanh tử	6
Chương 2: Tông chỉ của pháp môn Niệm Phật	11
Chương 3: Tin chân thành, nguyện tha thiết	19
Chương 4: Phương pháp niệm Phật	27
Chương 5: Nghi thức niệm Phật	41
Chương 6: Lòng thành kính	44
Chương 7: Khi bị bệnh	47
Chương 8: Lúc lâm chung	51
Thực hành pháp môn Niệm Phật	58
Chú thích	64
Tài liệu tham khảo	101

LỜI TỰA

Pháp môn Niệm Phật⁴ hợp với tất cả mọi người: Già, trẻ, tại gia, xuất gia, trí, ngu, sang, hèn, ai cũng có thể niệm Phật được. Nếu hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà mà niệm danh hiệu của Phật thì:

1. Chuyển hoá được mọi nghịch cảnh. Phước báo thế gian không cầu mà tự được hưởng. (*Văn Sao của Tổ Ấn Quang.*)
2. Khi thọ mạng hết, lúc lâm chung được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử luân hồi, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui(*kinh A Di Đà*)

Vì vậy tôi đã chọn một số lời giảng của Phật, Tổ và các đại sư Tịnh Độ về những lợi ích của việc niệm Phật và cách thực hành pháp môn Niệm Phật, viết thành quyển Thoát Vòng Sanh Tử, dâng tặng những ai hữu duyên.

Mặc dù tôi đã kiểm soát lại từng chương, mục của quyển sách, nhưng khó tránh khỏi sơ xuất, thiếu sót. Ngưỡng mong độc giả thông cảm, góp ý.

Montréal ngày 15 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đại, Đỗ Hữu Cự

Email: huucudo888@gmail.com

THOÁT VÒNG SANH TỬ

I. Cần phải thoát vòng sanh tử luân hồi

-Hoà thượng Thích Thiên Tâm giảng:

“Chúng sanh¹ hết kiếp này sang kiếp khác sống chết luân hồi, lên xuống 6 cõi. Đó là cõi Trời, cõi Người, cõi A Tu La, cõi Súc Sanh, cõi Ngã Quỷ, và cõi Địa Ngục.

Cõi Trời tuy vui vẻ hơn nhân gian, nhưng cũng còn tướng ngũ suy², và những điều không như ý.

Cõi Người có 8 nỗi khổ³ là sanh, già, bệnh, chết, yêu thương mà phải xa cách, oán thù vẫn phải gặp mặt, cầu chẳng được như ý và 5 ấm³ lấy lòng.

Tám nỗi khổ này các cõi khác cũng có ít nhiều. Bốn cõi sau, trong kinh gọi là 4 cõi ác. Từ cõi A Tu La theo chiều đi xuống, nỗi khổ ở mỗi cõi cứ tuần tự tăng lên gấp bội.

Cõi A Tu La bị khổ vì gây gỗ tranh đua.

Cõi Súc Sanh khổ vì ngu tối, nhớ nhớt, bị

Chương 1

banh da xẻ thịt, chớ kéo nặng nề, ăn nuốt lẫn nhau.

Cõi Ngã Quỷ thân thể hôi hám, xấu xa, bụng lớn như cái trống, cuống họng nhỏ như cây kim, miệng phức ra lửa, đói khát trong ngàn muôn kiếp.

Cõi Địa Ngục thì vạc dầu, cột lửa, hầm băng giá, non gươm đao, sự thống khổ không thể tả xiết.

Chúng sanh sống chết xoay vần trong 6 cõi, hết nơi này đến nơi kia, như bánh xe lăn chuyển không đầu mối. Đại khái sanh lên cõi Người, cõi Trời thì rất khó và rất ít, đoạ xuống 4 cõi ác rất dễ và rất nhiều.”

-Khi còn tại thế, một hôm đức Phật Thích Ca đã dùng móng tay vít lên chút đất, rồi hỏi ngài A Nan:

“Đất ở móng tay ta sánh với đất ở miền đại địa, cái nào nhiều hơn?”

-Ngài A Nan đáp:

“Bạch Thế Tôn! Đất của miền đại địa nhiều hơn đất ở móng tay Phật vô lượng phần.”

-Phật bảo:

“Cũng thế, A Nan! Chúng sanh sanh lên cõi Trời, cõi Người, như đất ở móng tay ta, đọa xuống những cõi ác như đất của miền đại địa.”

-Đại sư Ấn Quang, Tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông Trung Hoa giảng:

“Mạng người vô thường, vinh hoa chẳng bền, chỉ trong khoảng khảy ngón tay, thở hắt ra một hơi là chẳng còn nữa. Khi đã chết rồi, rất dễ bị đọa vào các cõi ác. Dù có may mắn được sanh trở lại cõi Người hay được sanh lên các cõi Trời thì khi hưởng hết phước ở các cõi lành này, lúc chết tất cũng bị đọa vào các cõi ác! Hãy tìm đường thoát, chớ để đến lúc lâm chung hối cũng chẳng kịp!”

II. Muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi ngay trong đời này, phải tu pháp môn Niệm Phật⁴.

-Đại sư Ấn Quang giảng:

“Liễu thoát sanh tử là chuyện lớn nhất trong đời người⁴. Pháp môn Niệm Phật⁴ là một

Chương 1

pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Pháp này dưới từ tội nhân nghịch ác (*ngũ nghịch và thập ác*⁴) trên đến Đẳng Giác Bồ Tát⁹ đều nên tu tập.

Tu bất cứ pháp Tiểu thừa, Đại thừa nào⁵, ngoại trừ pháp môn Niệm Phật, cũng đều phải cậy vào sức Giới, Định, Huệ⁶ của chính mình để liễu thoát sanh tử. Đừng nói là phàm phu (*người thường*) đầy đầy triền phược⁷ chẳng thể làm nổi, ngay như Thanh Văn đã chứng Sơ, Nhị, Tam Quả⁸, Bồ Tát thuộc địa vị Lục Tín⁹ còn chưa thể thoát sanh tử ngay trong hiện đời.

Chỉ nhờ tu pháp môn Niệm Phật, cậy vào đại từ bi⁵⁵ nguyện lực của đức Phật A Di Đà, bất luận già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, trí, ngu, tại gia, xuất gia, hễ chịu sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, chí thành niệm thánh hiệu A Di Đà Phật thì ngay trong đời này, không một ai chẳng được vãng sanh¹⁰ khi lâm chung, thoát khỏi luân hồi sanh tử¹¹.

Tu pháp môn Niệm Phật dùng sức ít mà thành công dễ, như đi thuyền, đã căng buồm

Chương 1

thuận gió lại còn thuận nước vì nhờ vào Phật lực. Tu các pháp khác dùng sức nhiều mà thành công khó, như con kiến bò lên núi cao, vì hoàn toàn cậy vào tự lực. Đẳng Giác Bồ Tát⁹ muốn viên mãn Phật quả còn phải cầu vãng sanh Tây Phương¹², huống hồ là phàm phu chúng ta nghiệp căn sâu nặng, sao còn chẳng chịu dốc sức vào pháp môn này? Đây là bỏ dễ cầu khó, làm lạc cùng cực thay!”

- Đại sư Triệt Ngộ, Tổ thứ 12 của Tịnh Độ tông Trung Hoa giảng:

“Phương pháp tu hành dễ dụng công, rất yên ổn, mau thành tựu thì không gì hơn dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật¹³.”

-Kinh Đại Tập chép:

“Thời mạt pháp ực ực¹⁴ người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo. Chỉ nương theo pháp môn Niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử.”

TÔNG CHỈ CỦA PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Tông chỉ¹⁵ của pháp môn Niệm Phật⁴ là:
Tín, nguyện, hạnh.

I. Tín

-Đại sư Ấn Quang giảng:

“Tín là:

1. ***Tin Sa Bà¹⁶ khổ vô lượng vô biên.*** Nói chung, chẳng ngoài 8 nỗi khổ là: Sanh, già, bệnh, chết, ân ái biệt ly, oán ghét nhưng vẫn phải gặp mặt, cầu chẳng được như ý và 5 ấm lấy lừng. Tám nỗi khổ này dù người cả đời giàu sang hay kẻ rất nghèo, ai nấy đều có.

2. ***Tin thân người dễ mất.*** Một khi vô thường¹⁷ đến, sẽ theo nghiệp⁶⁵ ác nặng nề trong đời này hoặc trong những kiếp trước mà đoạ vào các đường ác, chịu sự khổ rất lâu dài, chẳng biết chừng nào mới được thoát ly!

3. ***Tin Cực Lạc thật là vui, vui chẳng gì ví***

nói. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là chân tín. Đừng nên dùng sự thấy biết của ngoại đạo, phàm phu, để so lường làm lạc, cho rằng mọi thứ trang nghiêm rất nhiệm màu chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ¹⁸ đều là chuyện ngụ ngôn, là thí dụ, là tâm pháp¹⁸, không phải là cảnh thật.

Nếu có các thứ tà kiến, hiểu biết sai lạc như vậy, sẽ đánh mất điều lợi ích thực sự là được vãng sanh Tịnh Độ. Cái hại đó rất lớn, chẳng thể chẳng biết.

4. *Tin mình là phàm phu đầy nghiệp lực.*

Vì là phàm phu đầy nghiệp lực nên không thể chỉ cậy vào sức mình để dứt hoặc chứng chân¹⁹, thoát sanh tử ngay trong đời này.

5. *Tin Phật A Di Đà có lời thề rộng lớn*²⁰.

Nếu chúng sinh nào chí thành niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà, tha thiết cầu sanh về thế giới của Phật thì khi mạng chung²¹ sẽ được Phật tiếp dẫn²² về miền Cực Lạc.”

II. Nguyên

1. Nguyên vãng sanh Cực Lạc thế giới.

-Đại sư Ấn Quang giảng:

“Đã biết Sa Bà là khổ, sanh tử luân hồi cực kỳ nguy hiểm, Cực Lạc là vui thì nên phát thệ nguyện thiết thực: Nguyên mau lìa khổ Sa Bà, sớm vãng sanh Cực Lạc. Nguyên ấy phải tha thiết.

Đức Phật A Di Đà nguyện độ²³ chúng sanh. Nếu như chí tâm xưng danh hiệu của Phật cầu ra khỏi Sa Bà, sanh về thế giới Cực Lạc thì chẳng một ai không được Phật rủ lòng từ nhiếp thọ²⁴.”

2. Nguyên phát Bồ Đề tâm.

-Hoà Thượng Thích Thiên Tâm giảng:

“Nếu vì giải thoát riêng cho mình mà tu pháp môn Niệm Phật, thì chỉ hợp với sự mong muốn của Phật một ít phần mà thôi. Sự mong muốn đích thật của Thế Tôn là muốn cho hết thảy chúng sanh đều thoát vòng sanh tử, đều được giác ngộ như Phật. Cho nên người tu pháp

Niệm Phật phải phát tâm Bồ Đề, nghĩa là phát tâm cầu quả Giác Ngộ của Phật để độ²³ thoát mình và tất cả chúng sanh.”

-Đại sư Ấn Quang giảng :

“Người tu pháp môn Niệm Phật phải phát lòng Bồ Đề: Dem công đức mình tu hồi hướng vãng sanh¹⁰ để gặp Phật, nghe pháp, tu hành đắc đạo, cứu độ chúng sanh trong Ba cõi, đền Bốn ơn nặng²⁵; cũng nên đem công đức của mình hướng đến việc cầu cho tất cả chúng sanh được an lạc (*yên, vui*). Làm như thế như đèn thêm dầu, như mưa được mưa, đã kết pháp duyên sâu cùng tất cả chúng sanh, lại mau thành tựu thắng hạnh Đại thừa²⁶ của mình. Nếu chẳng hiểu nghĩa này, tất thành ra chỗ thấy cạn hẹp, tư lợi, cảm quả rất thấp kém.

Bên trong vì ông bà, cha mẹ, họ hàng thân thích, bên ngoài vì bạn bè, người quen, nên khuyên họ thực hành pháp môn Tịnh Độ này, chẳng luận người có tin làm hay không. Chỉ hết sức mình

Chương 2

khiến cho mọi người đều biết pháp màu này mà thôi. Dạy người niệm Phật một tiếng hơn bố thí bảy báu²⁷ suốt trăm năm.

Phải trừ bỏ các điều ác, vâng làm những việc lành. Đừng giết hại, gắng ăn chay. Thương tiếc, hộ trì²⁸ mạng sống của loài vật.”

-Nguyện thứ 19 của đức Phật A Di Đà :

“Khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát tâm Bồ Đề, tu các công đức, dốc lòng phát nguyện muốn sanh về nước tôi. Đến lúc lâm chung, nếu tôi chẳng cùng thánh chúng vây quanh hiện trước người đó, tôi không giữ ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác²⁹.”

III. Hạnh

1. Hạnh là chí thành khấn thiết niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà, cầu Phật phóng quang nhiếp thọ và tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc thế giới khi mạng chung.

-Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép:

Chương 2

“Đức A Di Đà Phật phóng quang soi khắp 10 phương vô lượng thế giới, nhiếp³⁰ lấy không bỏ những ai niệm Phật.”

-Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác Kinh chép:

“Chúng sanh nào chạm quang minh ấy thì cầu diệt, thiện sanh, thân, ý nhu nhuyến³¹.”

-Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn của Thiền sư Thiên Như Duy Tắc chép điều lợi thứ 10 của người niệm Phật là:

“Khi mạng chung, tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được Tây Phương tam Thánh³² tiếp dẫn sanh về Cực Lạc thế giới.”

-Kinh Đại Tập chép :

“Thời mạt pháp, ước ước người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo. Chỉ nương theo pháp môn Niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử.”

2. Chỉ chuyên tâm niệm Phật cầu vãng

sanh, không tu xen tạp những hạnh khác.

-Theo Pháp Nhiên Thượng Nhân, Sơ tổ của Tịnh Độ tông Nhật Bản thì:

“Để đời này thoát khỏi sanh tử, không gì hơn sanh sang cõi Cực Lạc. Để được sanh sang cõi Cực Lạc thì dù diệu hạnh³³ gì chẳng nữa cũng không hơn Niệm Phật. Vì sao thế?

- a. Vì niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thì được chư Phật ở khắp 10 phương hộ niệm³⁴ và đức Phật A Di Đà phóng quang nhiếp thọ²⁴.
- b. Vì Niệm Phật là hạnh hợp với bốn nguyện³⁴ của đức Phật A Di Đà. Ngoài Niệm Phật, tất cả các hạnh khác (*Quán Tưởng, Quán Tượng, Lễ Bái, Xưng Tán v.v .*) đều chẳng hợp với bốn nguyện của đức Phật A Di Đà.”

-Theo đại sư Thiện Đạo, Tổ thứ hai của Tịnh Độ Tông Trung Hoa thì:

“Xưng danh hiệu của đức Phật A Di Đà

Chương 2

là hạnh dễ làm. Nếu chỉ chuyên niệm danh hiệu Phật, niệm niệm nối nhau, tu như thế suốt đời, thì mười kẻ niệm, mười kẻ được vãng sanh, trăm người tu, trăm người về Tịnh Độ.

Nếu vừa niệm Phật vừa tu các pháp khác thì trong trăm ngàn người, chỉ hy vọng được ba, bốn kẻ vãng sanh. Bởi tại sao?

- a. Vì duyên tạp loạn động khiến cho mất chánh niệm. Sự hệ niệm³⁵ không nối tiếp nhau.
- b. Vì không hợp với bản nguyện³⁴ của đức Phật A Di Đà, trái với kinh giáo và lời Phật, Thánh.
- c. Vì tuy hành đạo mà thường ưa danh lợi, không hết lòng mong muốn vãng sanh.”

TIN CHÂN THÀNH, NGUYỆN THA THIẾT

I. Người tu pháp môn Niệm Phật⁴ phải lấy lòng tin chân thành, nguyện thiết tha làm gốc.

Tông chỉ của Pháp môn Niệm Phật là: Tín, nguyện, hạnh. Nhưng pháp môn Niệm Phật rất khó tin vì: Phàm phu không thể dùng sự thấy biết của mình để suy ra cảnh Thánh ở thế giới Cực Lạc. Không tin thì không thật lòng mong muốn vãng sanh, dù niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà một lòng không loạn cũng không được Phật tiếp dẫn.

-Đại sư Ấn Quang giảng:

“Người tu pháp môn Niệm Phật phải lấy lòng tin chân thành, nguyện thiết tha làm gốc. Người đời phần nhiều chú trọng một lòng không loạn, chẳng chú trọng tín, nguyện, tức là đã đánh mất cái quan trọng, cốt lõi nhất.”

-Ngẫu Ích đại sư, Tổ thứ 9 của Tịnh Độ tông Trung Hoa nói:

“Được vãng sanh hay không hoàn toàn do

Chương 3

có tín, nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp do công phu niệm Phật sâu hay cạn.

Nếu tín, nguyện bền chắc, khi lâm chung chỉ xưng danh hiệu A Di Đà Phật 10 niệm hay 1 niệm cũng quyết được vãng sanh. Trái lại, công phu niệm Phật vững như vách sắt, tường đồng, mà tín, nguyện yếu, kết quả chỉ hưởng được phước báo ở cõi Người, cõi Trời mà thôi.”

-Kinh Vô Lượng Thọ chép lời nguyện thứ 18 của Tỳ Kheo Pháp Tạng, tiền thân của đức Phật A Di Đà:

“Khi tôi thành Phật, chúng sanh mười phương hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về cõi nước của tôi, niệm danh hiệu tôi cho đến mười niệm; nếu không được sanh, tôi không giữ ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác²⁹, chỉ trừ những kẻ phạm tội Ngũ Nghịch⁴, chê bai Chánh pháp.”

Rõ ràng, muốn sanh về thế giới Cực Lạc thì phải hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về thế giới ấy. Nếu tin sâu, nguyện thiết như vậy thì chỉ niệm danh hiệu của đức Phật A

Di Đà 10 niệm cũng được vãng sanh.

Vì vậy: Khi đức Phật Thích Ca thuyết kinh A

Di Đà:

Tất cả Chư Phật đều nói:

“Chúng sanh các người phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này.”

Đức Phật Thích Ca khuyên:

“Xá Lợi Phất, cho nên các ông phải tin lời của ta và của các đức Phật nói.”

Đức Thế Tôn nhiều lần nhắc chúng sanh phải nguyện sanh về thế giới Cực lạc:

- “Xá Lợi Phất! Ta thấy lợi ấy, nói ra những điều trên đây, nếu chúng sanh nào nghe được những lời này, nên phải phát nguyện sanh về cõi nước đó.”
- “Xá Lợi Phất! Cho nên các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu người nào có lòng tin, thời phải nên phát nguyện sanh về cõi nước kia.”

II. Điều kiện quan trọng nhất để được vãng sanh là nguyện tha thiết.

-Hòa thượng Thích Thiện Tâm giảng:

“Phẩm vị cao, thấp không phải là vấn đề. Vấn đề chính là được vãng sanh hay không. Muốn được vãng sanh, phải có Tín, Nguyện, và điều cần thiết nhất là Nguyện.”

1. Khi lâm chung, nguyện dẫn dắt người tu vào cảnh giới mới.

*-Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong kinh
Hoa Nghiêm viết:*

“Người này khi sắp mạng chung, trong khoảng sát na³⁶ sau cùng, tất cả các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) thấy đều tan hoại, tất cả quyền thuộc³⁷ thấy đều rời bỏ, tất cả oai thế thấy đều lui mất... Duy có những nguyện vương này chẳng rời bỏ người ấy, trong tất cả thời, chúng đều dẫn dắt ở trước. Trong khoảng một sát na, người ấy liền được sanh về thế giới Cực Lạc.”

2. Tha thiết nguyện sanh về thế giới

Cực Lạc thì tất sẽ vãng sanh.

-Kinh A Di Đà chép:

“Nếu có người đã phát nguyện, hiện đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi nước của đức Phật A Di Đà thì những người ấy đều được không thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; nơi cõi nước kia, hoặc đã sanh về rồi, hoặc hiện đang sanh về, hoặc sẽ sanh về.”

-Kinh Vô Lượng Thọ chép:

“Những chúng sanh nào nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà mà vui mừng, tin tưởng, dẫu chỉ một niệm, dốc lòng hồi hướng, nguyện sanh về nước ấy, tức được vãng sanh.....”

III. Khi phát nguyện, từng chữ, từng câu phải từ tâm xuất ra, chẳng thể đọc suông nơi cửa miệng.

-Đại sư Thiện Đạo nói:

“Niệm Phật là pháp rất màu nhiệm của đức Phật A Di Đà. Nương vào Phật lực, nhất định

an tâm. Tín, nguyện, niệm Phật, quyết định vãng sanh.

Niệm Phật không được vãng sanh là tại:

Không tin sâu, có lòng hoài nghi, bất an, không thật lòng nguyện vãng sanh. Giả tín, hư nguyện. Miệng niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, nhưng tâm lại quyến luyến, vướng bận những lợi ích thế gian, mong cầu công danh, tiền của, thuận lợi, bình an, tiêu tai, khỏi bệnh....., tuyệt đối chẳng lo việc lớn sanh, tử. Khi sắp chết vẫn nhìn không thấu, buông bỏ không được, lo lắng đầu này, dính mắc đầu kia, sợ chết, không chí thành cầu được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn.”

IV. Làm bất cứ việc gì, thiện thì hồi hướng cầu vãng sanh, ác thì sám hối cầu vãng sanh, không mong cầu bất cứ điều gì khác.

-Đại sư Ấn Quang nói:

“Làm bất cứ việc gì, thiện hay ác, nếu thiện thì hồi hướng cầu vãng sanh, ác thì sám nguyện (*sám hối, nguyện sửa đổi lỗi lầm*)

Chương 3

cầu vãng sanh, không cầu điều gì khác.

Người niệm Phật phải sửa trừ tâm tánh xấu xa. Sám hối³⁸ rất thích hợp với pháp môn Niệm Phật. Nhưng đã sám hối thì phải sửa đổi lỗi lầm, làm lành. Nếu không, thành ra nói suông, chẳng được lợi ích.

Nếu có mảy may công đức lành, đều đem hồi hướng vãng sanh. Như thế thì tất cả việc lành của mình đều là trợ hạnh của Tịnh Độ. Nếu chỉ dùng công đức niệm Phật để hồi hướng vãng sanh, đem những công đức khác hồi hướng về phước báo thế gian thì niệm chẳng quy về một mối, khó vãng sanh.

Phải biết rằng nếu thật sự niệm Phật, chẳng cầu phước báo thế gian, nhưng tự được hưởng phước báo thế gian. Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh, thì phước báo thế gian đạt được đó sẽ trở thành tệ kém; tâm chẳng chuyên nhất nên khó vãng sanh!

Nếu có chút mảy may mong cầu đời sau thì là chẳng có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên không được Phật tiếp dẫn! Như vậy

Chương 3

là đã dùng việc làm rất màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, tạo thành cái nhân của phước hữu lậu³⁹ trong cõi Người, cõi Trời.

Phật muốn quý vị siêu phàm nhập thánh⁴⁰, quý vị lại chỉ nguyện được phước hữu lậu. Một khi phước báo hết, bị đoạ vào các cõi ác. Khác nào dùng ngọc Ma Ni⁴¹ để ném chim sẻ, được thì ít, mất quá nhiều. Chẳng tiếc lắm ư? Hãy tự nên cảnh tỉnh!

Vả nữa lúc hưởng phước, sẽ tạo nghiệp. Đã tạo nghiệp ắt khó tránh ác báo. Như bỏ chất độc vào đề hồ⁴² khiến người uống vào phải chết. Kẻ chẳng khéo dụng tâm mắc họa như thế. Phải nên triệt để cắt đứt ý niệm ấy, mới hòng được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh Độ, toàn thân thọ dụng vậy.”

-Nguyện thứ 20 của đức Phật A Di Đà:

“Khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu tôi, tưởng cõi nước tôi, trông các cõi đức, dốc lòng hồi hướng muốn sanh về nước tôi. Nếu như kết quả không được toại nguyện, tôi không giữ ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác.”

PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT

- I. Vì điều kiện cần thiết nhất để được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh là phải hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc nên: Không thể chỉ dùng miệng xưng danh hiệu Phật, còn tâm cứ nghĩ tưởng lung tung.

-Hoà thượng Thích Thiện Tâm giảng:

“Niệm Phật quý ở nơi phát tâm chân thật. Điểm cốt yếu của sự niệm Phật là niệm phải rõ ràng, tâm bắt kịp tiếng niệm (*Nam mô A Di Đà Phật hay A Di Đà Phật*), tâm và tiếng dung hoà nhau⁴.

Nên biết lúc hành giả khởi niệm, thì mỗi câu Phật hiệu đều đi sâu vào tạng thức⁴³. Khi sức dồn chứa huân tập⁴⁴ đã nhiều, câu Phật hiệu từ nơi tạng thức phát hiện ra trong lúc thức hay ngủ. Đây là cảnh giới không niệm tự niệm. Nếu bình thường niệm rành rẽ, thì nó phát ra rành rẽ, niệm không rõ ràng, thì câu Phật hiệu hiện ra không rõ

ràng. Vậy nên dè dặt ngay từ lúc đầu.”

-Đại sư Ấn Quang giảng:

“Phương pháp dụng công niệm Phật hay nhất chính là nhiếp²⁴ trọn 6 căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*), tịnh niệm tiếp nối: Niệm phải khởi từ tâm, tiếng phát ra nơi miệng⁴, âm thanh lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn, lâu ngày chầy tháng sẽ tự thành phiền (*Nhiều câu Phật hiệu nói tiếp nhau, không xen tạp, không gián đoạn*).

Tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật là nhiếp ý căn; miệng phải xưng danh hiệu Phật cho rõ ràng rành rẽ là nhiếp thiệt căn; tai phải nghe danh hiệu Phật từ miệng phát ra cho rõ ràng rành rẽ là nhiếp nhĩ căn. Gom 3 căn này vào Phật hiệu thì 3 căn còn lại cũng bị nhiếp trọn: Mắt chẳng thể nhìn loạn, mũi chẳng thể rong ruổi theo bên ngoài, thân chẳng đến nổi phóng túng.

Nếu có thể thường nhiếp trọn sáu căn để niệm Phật thì gọi là tịnh niệm tiếp nối. Thường giữ được tịnh niệm tiếp nối chính là nhất tâm bất loạn, dần dần sẽ đạt được

niệm Phật Tam Muội⁴⁵ .”

II. Nhưng mới niệm Phật, ai cũng có vọng tưởng. Khi vọng tưởng vừa nổi lên, tâm phải biết ngay, tiếp tục chuyên chú nơi danh hiệu Phật, chẳng chuyển theo vọng tưởng. Nếu có nhiều vọng tưởng thì áp dụng pháp Thập Niệm Ký Số.

-Kinh Di Giáo chép:

“Niệm Phật phải như mèo rình chuột.”

Mèo rình chuột luôn luôn tỉnh táo, chú ý canh chừng. Chuột ra con nào, mèo vồ con đó. Cũng thế, trong khi niệm Phật, vọng tưởng vừa nổi lên thì phải biết để dẹp ngay, tâm tiếp tục chuyên chú nơi danh hiệu Phật.

-Theo Đại sư Ấn Quang:

“Sơ tâm niệm Phật, ai lại chẳng có vọng tưởng; cốt sao khi vọng tưởng vừa khởi, tâm chuyên chú nơi danh hiệu Phật liền biết, chẳng chuyển theo vọng.

Nếu vọng tưởng nổi lên quá nhiều, nên áp dụng pháp Thập Niệm Ký Số: Vừa niệm

Chương 4

Phật, vừa thâm ghi nhớ rành rẽ từ câu Phật hiệu thứ nhất tới câu Phật hiệu thứ mười, rồi trở lại từ câu thứ nhất, cứ như thế xoay vần mãi.”

- Đại sư Liên Trì, Tổ thứ 8 của Tịnh Độ tông Trung Hoa giảng:

“Tâm hôn loạn⁴⁶ lâu ngày đã thành thói quen, không thể một lúc mà an định⁴⁶ được. Cho nên người mới niệm Phật, nếu tâm không an định, đừng quá lo. Chỉ cần mỗi chữ, mỗi câu đều do nơi tâm phát ra⁴. Khi tâm tán loạn liền mau thu phục (*Khi tâm tán loạn: Lắng tai nghe tiếng mình niệm Phật từng chữ, từng câu thật rành rẽ, rõ ràng thì vọng tưởng tự dừng, tâm tự chuyên chú nơi danh hiệu Phật*).

Niệm Phật như thế lâu ngày, tạp niệm giảm dần. Dụng công bền lâu tự có hiệu quả⁴⁷.”

Chú ý. Trong khi niệm Phật có nhiều vọng tưởng là bởi vì chưa hết lòng mong muốn vắng sanh.

-Hoà thượng Thích Thiện Tâm khuyên:

“Người tu pháp môn Niệm Phật phải:

Chân thành tha thiết cầu thoát ly cõi Sa Bà, mong muốn sanh về miền Cực Lạc, niệm Phật hết câu này tới câu khác, đừng quá ngại màng tới tạp niệm....(*chân thành tha thiết cầu thoát ly cõi Sa Bà, mong muốn sanh về miền Cực Lạc, niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thì vọng niệm chẳng sanh; dù vọng niệm sanh cũng chỉ thoáng qua; vì tâm chuyên chú cầu Phật tiếp dẫn, chẳng chuyển theo vọng.*)

Chân thành, tha thiết niệm Phật lâu ngày thì ngựa ý từ từ về tàu (*chuồng ngựa*), vượn lòng lần lần vào động⁴⁸ (*hết vọng tưởng*).

-*Tổ Ấn Quang nói:*

“Sợ chết bị đọa vào ác đạo thì câu niệm Phật tự nhiên thuần⁶².”

III. Nếu tin sâu, nguyện thiết, niệm Phật thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Tuy theo trình độ niệm Phật của mình, mà phẩm vị cao hay thấp.

-*Đại sư Ngẫu Ích nói:*

Chương 4

“Được vãng sanh hay chẳng là do có tín, nguyện hay không; phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn.”

-Đại sư Ấn Quang giảng:

“Pháp Niệm Phật⁴ trọng tại tín, nguyện. Nếu có lòng tin chân thành, nguyện tha thiết:

1. Niệm lực tinh thuần, thì ngay trong hiện đời cũng có thể chứng Thánh⁴⁹, lâm chung lên ngay Thượng phẩm.
2. Dù căn cơ hèn kém, chưa làm được như thế, tâm chưa được thanh tịnh, lúc lâm chung cũng được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn.
3. Thậm chí kẻ phạm tội ngũ nghịch, thập ác⁴, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện ra, người ấy sợ hãi. Nếu có thiện tri thức⁴⁹ dạy cho niệm Phật, người ấy sám hối, dù chỉ khấn thiết niệm được mấy tiếng, rồi liền mạng chung, cũng được vãng sanh (*kinh Quán Vô Lượng Thọ, mục Hạ Phẩm Hạ Sanh*).”

IV. Chỗ trọng yếu của pháp môn Niệm Phật là phải niệm thật nhiều, dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không quên niệm Phật.

Muốn được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc khi lâm chung, thì phải hết lòng tin ưa, mong muốn sanh về thế giới đó, rồi chí thành niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn. Muốn có phẩm vị cao thì phải niệm Phật một lòng không loạn.

Nhưng chúng ta cả ngày nghĩ, tưởng lung tung, lo việc này, mong chuyện khác v.v..., có được mấy lúc nhớ Phật, muốn được về gần Phật?

Để dứt trừ vọng tưởng và tự nhắc mình luôn nhớ đức Phật A Di Đà, hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc, *các đại sư của tông Tịnh Độ cũng như Phật khuyên chúng ta*: “Không lúc nào quên niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà. Dù ở bất cứ hoàn cảnh nào cũng giữ cho câu Phật hiệu được liên tục. Nếu làm được như vậy thì chắc chắn được vãng sanh.”

-Tổ Pháp Nhiên nói:

“Chỗ trọng yếu của xưng danh là để cho tâm niệm tương tục (*nối tiếp nhau, chẳng dứt*). Niệm Phật không ngắt miệng là đủ....

Nếu thường xưng danh hiệu Phật thì do công đức của Phật danh⁵⁰, vọng tưởng tự dừng, tán loạn tự yên, tam nghiệp (ba nghiệp *thân, khẩu, ý*) tự điều chỉnh....”

-Tổ Thiện Đạo giảng:

“Xưng danh hiệu của đức Phật A Di Đà là hạnh dễ làm. Nếu giữ được niệm niệm nối nhau, tu như vậy suốt đời, thì mười người tu, mười người vắng sanh, trăm người tu trăm người về thế giới Cực Lạc.

Người niệm Phật đi, đứng, ngồi, nằm, phải cố gắng nhiếp tâm, ngày đêm chớ rời Thánh hiệu, giữ đến hơi thở cuối cùng. Như thế, tới lúc mãn phần, niệm trước vừa dứt, niệm sau liền sanh Cực Lạc.”

-Tổ Triệt Ngộ khuyên người tu pháp môn Niệm Phật phải:

“Thật vì sanh, tử,

Chương 4

Phát lòng Bồ Đề.
Dùng tín nguyện sâu,
Trì danh hiệu Phật¹³.”

-Đại sư Tử Bá nói:

“Người chân thật niệm Phật, dù ở cảnh phiền não hay vui mừng, cũng giữ câu niệm Phật không gián đoạn. Những cảnh ấy không làm lay động họ được, thì đối với cảnh sống chết, họ vẫn tự nhiên không sợ hãi. Người niệm Phật đời nay, hơi có chút chi mừng, giận, thì gác bỏ câu niệm Phật ra sau. Như thế làm sao mà niệm Phật được linh nghiệm.

Nên y theo lời ta mà niệm Phật, dù ở cảnh thương, ghét cũng đừng quên một câu A Di Đà. Nếu giữ đúng như thế mà lúc hiện tiền không được tự tại, khi lâm chung không được vãng sanh Tây Phương, thì cuống lưỡi của ta phải chịu tan nát.”

-Kinh Ban Chu Tam Muội chép:

Phật A Di Đà nói: “Niệm danh hiệu của ta không lúc nào dừng nghỉ thì được vãng

sanh.”

V. Nếu quá bận rộn, nên áp dụng pháp Thập Niệm Hồi Hướng.

-Kinh Vô Lượng Thọ chép :

“Các chúng Trời, Người, ai thành khẩn muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà không làm được các việc công đức, phước thiện:

Hãy nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề (*tâm cầu quả giác ngộ của Phật để độ²³ mình và độ tất cả chúng sanh*), thường bữa chuyên ý niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà cho đến 10 niệm, mong được sanh về cõi nước của ngài. Nếu được nghe những giáo pháp sâu xa, nên mừng tin ưa, chẳng sanh nghi ngờ, thì dẫu một niệm, niệm danh của đức Phật ấy; nhờ lòng chí thành, muốn sanh về thế giới Cực Lạc, đến lúc lâm chung, người đó mộng thấy đức Phật, cũng được vãng sanh.”

Đối với những người quá bận rộn công việc, mỗi bữa chuyên ý niệm danh hiệu Phật 10 niệm, dễ hơn niệm Phật liên tục không lúc

Chương 4

nào ngừng. Nhưng tâm hôn loạn lâu đã thành thói quen, mỗi bữa chuyên ý niệm danh hiệu Phật 10 niệm cũng rất khó.

Để giúp những người này sanh về thế giới Cực Lạc, các đại sư của tông Tịnh Độ khuyên họ nên áp dụng pháp Thập Niệm Hồi Hướng.

-Tổ Ấn Quang khuyên:

“Nếu công việc đã đoan, không rối rảnh; mỗi sáng sớm, sau khi súc miệng rửa mặt:

Có bàn thờ Phật thì đến trước bàn thờ lễ 3 lạy, rồi đứng thẳng chấp tay niệm: “*Nam mô A Di Đà Phật*⁵⁴”. Hết một hơi là một niệm. Niệm đủ 10 hơi. Tiếp đọc bài kệ:

Nguyện cùng người niệm Phật,

Đều sanh về Cực Lạc,

Thấy Phật thoát sanh tử,

Như Phật độ tất cả.

Lễ Phật 3 lạy, rồi lui ra.

Không có bàn thờ Phật thì chấp tay hướng

Chương 4

về phương Tây, cũng như cách thức trên mà niệm.

Đây là pháp Thập Niệm Hồi Hướng của ngài Từ Vân Sát Chủ lập ra cho những người không đủ thì giờ tu tập.

Tại sao phải niệm luôn hết một hơi? Vì tâm chúng sanh tán loạn, lại không rảnh để chuyên niệm. Niệm như thế là mượn hơi nhiếp tâm, khiến tâm phải chuyên chú niệm Phật, không thể nghĩ tưởng lung tung. Nhưng phải tùy hơi dài, ngắn, không nên ép, ép thì hao hơi.

Pháp này làm cho tâm chuyên nhất, tuy số câu niệm Phật ít, nhưng công đức rất sâu, quyết định sẽ sanh về thế giới Cực Lạc.”

-Đại sư Tuân Thức khuyên:

“Nếu là người có quá nhiều trách nhiệm, bận rộn liên miên, thì cũng nên dành chút thì giờ tu môn Thập Niệm Hồi Hướng:

Sớm mai thức dậy, thay quần áo xong, chấp tay hướng về phương Tây mà niệm Phật. Niệm liền một hơi, mỗi hơi kể là một niệm,

Chương 4

mười hơi kể là mười niệm. Khi niệm, không kể số câu nhiều hay ít, chỉ tùy theo hơi thở dài hay ngắn mà thôi. Mục đích của việc làm này là mượn hơi giữ cho tâm niệm Phật, không nghĩ tưởng lung tung.

Niệm Phật xong, liền hồi hướng mà nguyện rằng:

Con là.....phát tâm Bồ Đề, một lòng quy mạng⁵¹ Phật A Di Đà, cầu sanh Cực Lạc. Xưa Phật lập thế: Nếu chúng sanh nào muốn về nước ta, xưng danh hiệu ta, trong vòng 10 niệm, mà chẳng được sanh, ta không thành Phật (*nguyện thứ 18*). Nay con nguyện nhờ thế lực của Phật, tội diệt, phúc sanh, đến lúc lâm chung, biết ngày giờ trước, Phật cùng thánh chúng tiếp dẫn vãng sanh, tu hành đắc đạo, phân thân vô số, cứu khắp muôn loài, đồng sanh Tây Phương, lên ngôi bất thoái.

Nếu có thờ Phật, nên quỳ trước bàn thờ mà niệm. Nhưng khi mới vào và khi lui ra đều phải lễ 3 lạy.

Nếu chịu khó tu như thế trọn đời, không bỏ

ngày nào thì quyết định sẽ được vãng sanh.”

VI. Cảnh giới phát hiện.

-Hoà Thượng Thích Thiền Tâm khuyên:

“Trong khi tu nếu thấy các tướng lạ hiện ra, đừng lưu ý, cứ tiếp tục dụng công, như người lữ hành thấy cảnh bên đường, nhưng vẫn tiến bước để mau về nhà.

Người kém phước đức mới niệm Phật thường thấy cảnh giới dữ, trì niệm lâu ngày ác tướng tiêu tan sẽ thấy các điềm lành.

Người tu dụng công tới một trình độ nào đó, tự nhiên cảnh giới tốt hiện ra. Đừng mơ tưởng tham luyến. Nếu để lòng mơ tưởng mong ước đến cuồng vọng, hay nghĩ rằng mình đã chứng đắc ắt sẽ bị ma phá, hỏng cả một đời tu.”

NGHI THỨC NIỆM PHẬT

I. Nghi thức thông thường

-*Tổ Ấn Quang giảng:*

“Theo nghi thức ở Niệm Phật Đường của các chùa thì trước hết tụng kinh A Di Đà. Kế tụng 3 biến chú Vãng Sanh⁵², đọc bài kệ khen Phật⁵³. Đến cuối bài quì niệm: Nam mô⁵⁴ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi⁵⁵ A Di Đà Phật.

Rồi đứng dậy đi quanh bàn thờ mà niệm Phật. Phép đi vòng quanh phải từ Đông qua Nam, Tây qua Bắc (*theo chiều quay của kim đồng hồ*). Đó gọi là thuận, là tùy hỷ, và như thế mới có công đức. Vừa đi vòng quanh bàn thờ vừa niệm Phật được một lúc, rồi ngồi xuống niệm thầm, ước một khắc (15 phút) lại niệm ra tiếng.

Khi sắp xong, quỳ niệm Phật 10 câu, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ Tát⁵⁶, mỗi thánh hiệu 3 lần.

Chương 5

Đọc bài văn phát nguyện⁵⁷. Tụng 3 câu Tự quy y⁵⁸. Rồi lễ Phật, lui ra.

Người tại gia, nếu chỗ thờ Phật chật hẹp, khó vừa đi, vừa niệm Phật, thì quỳ, đứng, hoặc ngồi niệm cũng được.

Tóm lại phải tùy theo hoàn cảnh, tinh thần, sức khỏe của mỗi người mà định. Nghi thức niệm Phật nên tùy sự thích hợp riêng của mỗi người mà lập.

Sau mỗi thời niệm Phật nên hồi hướng cho những oan gia đời trước được hưởng công đức ấy sanh về các cõi lành.”

II. Chú ý

Phần quan trọng nhất trong Nghi Thức Niệm Phật là: Niệm Phật và Phát Nguyện. Những phần khác chỉ là trợ hạnh mà thôi. Tùy theo sở thích và hoàn cảnh của mỗi người mà có thể thêm hay bớt. Ví dụ :

Nghi thức niệm Phật đơn giản do lão cư sĩ Lý Bình Nam lập ra cho một ông già.

1. Niệm 3 danh hiệu sau đây, mỗi danh hiệu niệm 01 lần, lạy 01 lạy:

Chương 5

- a. Nam mô Mười Phương Thường Trụ Tam Bảo.
 - b. Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
 - c. Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.
2. Niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà từ 100, đến ngàn, vạn câu (*từ ít tăng lên nhiều*).
3. Niệm các danh hiệu sau đây, mỗi lần niệm lễ 01 lạy:
 - a. Nam mô A Di Đà Phật, 10 lần.
 - b. Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát, 03 lần.
 - c. Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát, 03 lần.
 - d. Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, 03 lần.
4. Phát nguyện. Lễ 3 lạy rồi lui ra.

LÒNG THÀNH KÍNH

-Kinh Lăng Nghiêm, chương Niệm Phật Viên Thông chép:

“Thập phương Như Lai thương tưởng chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn tránh, thì tuy mẹ nhớ nào có ích gì. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con không cách xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện nay hay về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa; Chẳng cần dùng phương tiện chi khác mà tự được khai ngộ⁶³.”

-Đại sư Vĩnh Minh, Tổ thứ sáu của Tịnh Độ tông Trung Hoa khuyên:

“Lễ bái, niệm Phật, phát nguyện phải khẩn thiết (*thành khẩn và tha thiết*) như người đang ở lao tù, như người bị giặc rượt bắt, như người bị nước cuốn trôi, như người bị lửa đốt cháy đầu, một lòng cầu cứu.”

-Đại sư Diệu Không giảng:

“Khi đối trước tượng Phật, phải xem tượng ấy cũng như Phật thật: Mắt nhìn, tâm niệm, miệng niệm, cung kính chí thành. Lúc không ở trước tượng Phật, niệm Phật cũng nên thành kính như vậy. Niệm Phật như thế rất dễ cảm thông, nghiệp ác cũng mau tiêu diệt.”

-Theo Tổ Ấn Quang thì:

“Pháp môn Niệm Phật rất giản dị, rất rộng lớn⁵⁹, nhưng phải khẩn thiết, chí thành đến cùng cực, mới có cảm ứng, mới được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Nếu lười nhác biếng trễ, không mảy may kính nể, dù gieo được viên nhân⁶⁰, vẫn mắc tội khinh nhờn chẳng thể tưởng tượng nổi.

Muốn hưởng lợi ích thật sự từ Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Các thứ tu trì (*lễ lạy, niệm Phật, phát nguyện...*) đều phải lấy thành kính (*chí thành và cung kính*) làm chủ. Nếu thành kính đến cùng cực thì công đức như trong kinh nói: Còn ở địa vị phàm phu chưa thể viên đắc, nhưng sở đắc cũng đã khó nghĩ bàn⁶¹. Nếu không thành kính, thì có

Chương 6

khác chi hát tuồng (*Những trò khổ, sướng, buồn, vui, đều là giả trang, chẳng phát xuất từ bên trong*). Dù có công đức, cũng không thể vượt qua cái phước si ám⁶¹ của cõi Người, cõi Trời, vẫn phải luân hồi sanh, tử. Khi hưởng hết phước ở các cõi lành, tất sẽ bị đọa vào các cõi ác. Lại nữa, trong khi hưởng phước, sẽ tạo nghiệp, đây là nhân gây ra quả khổ sau này.

Người niệm Phật hãy nên cung kính, chí thành, tâm niệm, miệng niệm, tai nghe rõ ràng rành mạch từng chữ, từng câu; khi tạp niệm khởi, liền biết, không theo. Nếu làm được như thế, dầu chẳng thể hoàn toàn không có tạp niệm, nhưng cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Có những kẻ chỉ mong lạ, mong nhiều, thuận miệng niệm ào ào, nên không có hiệu quả!

Niệm Phật mà có tạp niệm là vì chưa hết lòng mong muốn vãng sanh. Sợ chết bị đọa vào ác đạo thì câu niệm Phật tự nhiên thuần⁶².

KHI BỊ BỆNH

I. Người tu pháp môn Niệm Phật⁴ bị bệnh khổ là do công phu tu hành, nên chuyển quả báo nặng thành quả báo nhẹ.

-Đại sư Từ Chiếu nói:

“Người niệm Phật bị bệnh khổ là nhờ công đức tu hành, nên chuyển quả báo nặng đời sau (*đọa vào các cõi ác*) thành quả báo nhẹ đời nay (*bị bệnh khổ*), trả cho hết để được vãng sanh. Nếu trở lại nghi ngờ, phỉ báng, là tự gây tội chướng cho mình.”

II. Người tu pháp môn Niệm Phật phải hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc. Khi bệnh nặng nên mừng vì sắp được gặp Phật, chuyên tâm niệm Phật cầu Phật tiếp dẫn. Như vậy, nếu tuổi thọ còn thì bệnh mau lành, tuổi thọ hết thì được Phật tiếp dẫn vãng sanh.

-Đại sư Ấn Quang giảng:

Chương 7

“Cảnh hiện tuy có tốt, xấu. Chuyển biến chỉ tại nơi ta. Cảnh hiện xấu mà chuyên tâm niệm Phật thì nhân dữ sẽ hoá lành. Tiếc vì người đời phần nhiều bị nghiệp ràng buộc, không biết cách sửa đổi, nên thành ra cảnh té giếng bị đá rơi theo. Khổ lại càng thêm khổ.

Người phạm mắc bệnh thì dùng thuốc để trị, nhưng cũng không nhất thiết phải dùng đến thuốc. Nếu biết cặn kẽ nguồn gốc căn bệnh, được tánh, mạch lý, rồi uống thuốc thì tốt. Nếu không, chỉ uống thuốc A Già Đà⁶⁴ đã được đức Phật thay ta bào chế sẵn thì bệnh cũng sẽ lành.

Bệnh và ma đều do túc nghiệp (*túc nghiệp là nghiệp tạo ra từ những kiếp trước*) mà thành. Thầy thuốc dù giỏi cũng chỉ trị được bệnh, không trị được nghiệp. Chỉ nên chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu vãng sanh, thì tự nhiên nghiệp chướng⁶⁵ tiêu, phước, huyệt đều tăng trưởng. Lâu ngày các bệnh sẽ tự lành, ma tự rời xa. Nếu bệnh chẳng thể dùng thuốc trị, dù có thuốc tiên, cũng vô

Chương 7

dụng, hướng hồ là thuốc của thế gian.

Chẳng cần biết là bệnh trị được hay không, đều nên dùng thuốc A Già Đà. Thứ thuốc này tuyệt đối chẳng hại người, uống vào, dù thân hay tâm đều kiến hiệu. Người niệm Phật có bệnh, chỉ nên sanh tín tâm, niệm Phật, cầu sanh về Tây Phương, chẳng nên khởi lên những ý niệm nào khác.

Vạn đức hồng danh của đức Phật A Di Đà⁶⁶ giống như lò luyện lớn lao. Tội nghiệp trong nhiều kiếp của mỗi người như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên bị tiêu diệt: Nếu tuổi thọ chưa hết thì bệnh lành, nếu tuổi thọ đã hết thì được Phật tiếp dẫn vãng sanh; vì tâm chỉ chuyên niệm Phật cầu vãng sanh, không nhớ, nghĩ tới bất cứ việc gì khác nên cảm ứng với Phật.

Nếu cứ mong khoẻ lại, nhưng chẳng được khoẻ lại, chắc chắn không cách chi được vãng sanh. Vì tham luyện trần cảnh chẳng thể buông xuống, khiến cảnh vãng sanh không hiện ra được, mà cảnh tùy nghiệp

Chương 7

thọ sanh trong các đường thiện, ác⁶⁷ lại hiện. Cảnh hiện liền theo nghiệp thọ sanh trong các đường thiện, ác; vãng sanh Tây Phương hoá thành bánh vẽ!

Huống hồ, lìa khỏi thế giới khổ não này, sanh về thế giới vui vẻ kia, là chuyện hết sức sung sướng. Hãy nên sanh tâm hoan hỷ, niệm Phật cầu được vãng sanh. Ngàn vạn lần không được sợ chết. Dầu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, mà còn mất phần vãng sanh Tây Phương nữa!”

-*Tổ Pháp Nhiên nói:*

“Khách đi buôn đợi trời sáng, nghe tiếng gà gáy thì mừng (*vì trời sắp sáng, sắp được đi buôn*). Người niệm Phật ưa Tịnh Độ (*muốn sanh về thế giới Cực Lạc*), trong lúc bệnh hoạn lại vui (*Vì sắp được rời khỏi thế giới khổ não này, sanh về thế giới Cực Lạc*).”

LÚC LÂM CHUNG

Chết chỉ là kết liễu của một thời nghiệp báo. Do nghiệp chiêu cảm; khi bỏ thân này, lại thọ thân khác⁶⁵. Người không biết Phật pháp đành để cho nghiệp xoay vần, người tu pháp môn Niệm Phật⁴ cần chuẩn bị những việc phải làm khi lâm chung và dặn người thân những việc họ nên làm khi đó để giúp mình được vãng sanh an thuận.

I. Những điều cần làm lúc lâm chung của người tu pháp môn Niệm Phật⁴.

-Đại sư Thiện Đạo khuyên:

“Phàm người lâm chung muốn vãng sanh Tịnh Độ thì:

Cần nhất là chẳng được sợ chết. Thường nghĩ thân này là gốc của tất cả sự khổ lụy, nó là cái bao bằng da đựng đầy đồ nhơ nhớp (*phân, nước tiểu....*). Nếu thoát được thân dơ bẩn này, siêu sanh Tịnh Độ, thọ thân đẹp đẽ, thanh tịnh, bất hoại, hưởng vô lượng vui, vĩnh viễn thoát khổ sanh tử luân hồi, thì thật

là điều vừa ý, như cởi cái áo rách, đổi lấy y phục quý báu. Hãy buông thân, tâm xuống, đừng sợ hãi, luyến tiếc! Chỉ hết lòng niệm Phật, cầu được vãng sanh.”

-Đại sư Từ Chiếu khuyên:

“Cha, mẹ, anh, chị, em, vợ chồng con, cháu, đều do đời trước có nợ nần, ân oán nên kiếp này mới tạm hội ngộ; nhân duyên hết thì mỗi người mỗi ngả; khi chết, dù có quyến luyến cũng không thể mang theo, mà chính mình phải bị luân hồi, không thể vãng sanh. Vì vậy, khi lâm chung, phải rũ sạch tình trần, chuyên tâm niệm Phật, cầu sanh Tây phương để tự cứu mình; sau đó mới có thể cứu tất cả người ơn, kẻ oán...”

II. Những điều nên làm của người thân của người lâm chung.

1. Khi bệnh nặng, không chữa được nữa.

-Đại sư Ấn Quang giảng:

“Nếu ai có cha, mẹ, anh, chị, em, hay quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh

tình khó bề thuyên giảm, thì:

Hãy nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Trợ niệm⁶⁸ cho họ, mong người bệnh nhờ đó, được sanh về thế giới Cực Lạc nếu số mạng đã tận.

Đây là 3 điều người thân cần làm để thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung:

a. Khuyên người bệnh niệm Phật cầu vãng sanh. Khéo léo chỉ dạy, an ủi, khiến người sắp mất sanh lòng tin vào sự mầu nhiệm của việc niệm Phật cầu vãng sanh. Khuyên người bệnh:

Buông xuống hết thấy, một lòng niệm Phật, cầu được vãng sanh. Nếu cần giao phó việc gì, thì phải mau giao phó. Giao phó xong rồi thì chẳng đếm xỉa đến nữa. Chỉ nghĩ ta nay sắp theo Phật vãng sanh cõi Cực Lạc; tất cả sự giàu sang, vui sướng, quyền thuộc³⁷ thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta mắc hại. Nếu

trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh về Tây Phương, thì do tâm niệm Phật chí thành ấy, ắt quyết định cảm được Phật dấy lòng đại từ bi, tiếp dẫn, khiến cho ta được vãng sanh; nếu chẳng niệm Phật, thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác, để lại thọ sanh trong các nẻo lành, đường ác⁶⁷.

- b. Hộ niệm để giúp cho người bệnh giữ được chánh niệm.** Tuy đã chỉ dạy cho người bệnh khiến họ sanh lòng tin; nhưng người bệnh tâm lực yếu ớt, không thể tự niệm Phật liên tục, lâu dài được. Đừng nói chi hạng người khoẻ mạnh, chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm Phật liên tục lâu, ngay cả người chuyên niệm Phật đến lúc ấy cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu.

Vì vậy, quyền thuộc trong nhà nên phát tâm hiếu thuận, từ bi; vì người bệnh, trợ niệm Phật hiệu. Nếu không biết người bệnh sẽ chết lúc nào, thì nên

chia ban hộ niệm, để tiếng niệm Phật được liên tục. Chẳng nên niệm quá mau hay quá chậm. Tiếng niệm Phật chẳng lớn, chẳng nhỏ, từng chữ phân minh, từng câu rành mạch, khiến cho từng chữ, từng câu, lọt vào tai, thấm vào tâm bệnh nhân. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu 6 chữ “*Nam Mô A Di Đà Phật*”, sau đó niệm 4 chữ “*A Di Đà Phật*”. Vì ít chữ, bệnh nhân dễ nhiếp tâm nghe, và niệm theo.

- c. **Tránh dờn, động, thăm hỏi, khóc lóc.** Lúc người bệnh sắp tắt thở, chính là lúc phân biệt giữa thánh, trời, người, súc sanh, ngã quỷ và địa ngục; tình trạng khác nào ngàn cân treo sợi tóc:

Chỉ nên niệm danh hiệu Phật để nhắc nhở người đó niệm theo. Không nên đối trước người ấy mà thăm hỏi, vỗ về, lộ vẻ buồn bã, khóc lóc. Không được dờn chỗ nằm, sửa cách nằm, thay quần áo, tắm rửa người bệnh. Chẳng nên dờn, động chút nào. Vì khi đó, người

hấp hối chẳng thể tự chủ được; hễ bị lay động là toàn thân đều bị đau đớn, như bị bẻ, chặt, giằng, xé. Nếu đau đớn thì sanh tâm sân hận, tâm niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đoạ vào những loài hung dữ, độc hại như rắn, bò cạp, rết...

Cả nhà phải chuyên tâm niệm Phật, tiếng niệm không ngớt khiến tai người bệnh luôn nghe danh hiệu Phật. Nhờ vào Phật từ lực, người bệnh được vãng sanh Tây Phương...”

2. **Sau khi người bệnh tắt thở**

-Hoà thượng Thích Thiện Tâm giảng:

“Thuyết thăm dò hơi nóng⁶⁹ tuy có chứng cứ, nhưng không nên thăm dò khiến thần thức người chết chưa rời khỏi xác, có thể bị kích thích, phiền, đau, có hại rất nhiều. Nếu người chết bình thường tin chân thành, nguyện tha thiết, khi lâm chung chánh niệm rõ ràng thì có thể chứng nghiệm là vãng sanh⁷⁰.”

Chương 8

Sau khi bệnh nhân tắt thở, vẫn tiếp tục trợ niệm thêm 8 giờ nữa để cho sự vắng sanh được bảo đảm.”

-Đại sư Ấn Quang khuyên:

“Khi toàn thân người chết đã lạnh hết, tức là thần thức đã đi rồi, nên niệm Phật thêm 2 giờ nữa mới di dờn xác người đó.

Việc tang tế, phải dùng toàn đồ chay. Làm phật sự, chỉ nên niệm Phật. Cả nhà cùng khẩn thiết niệm theo.

Việc chôn cất đừng phô trương, bày vẽ. Nếu có tiền của, hãy tạo nhiều công đức như: Đúc tượng Phật hay tượng Bồ Tát, in kinh, cúng dường chư tăng, phóng sanh, bố thí cho người nghèo v.v... Hồi hướng công đức cho người chết và chúng sanh trong sáu cõi.

Thỉnh chúng tăng tụng niệm trong 7 tuần thất rất tốt. Khi đó, người thân cũng phải tụng niệm theo.”

THỰC HÀNH PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi ngay trong đời này, phải tu pháp Niệm Phật:

1. Phải tin:

- a. **Cõi Sa Bà có nhiều điều khổ.** Vì vậy không tham luyến thế gian.
- b. **Ngày tháng qua mau. Vô thường không hẹn.** Một khi chết rồi, rất dễ bị đoạ vào các cõi ác nên sanh tâm sợ hãi, phải mau tìm cách thoát.
- c. **Thế giới Cực Lạc có thật.** Chúng sanh ở đó chỉ hưởng những điều vui, không chịu những sự khổ; nên hết lòng mong muốn sanh về cõi ấy.
- d. **Đức Phật A Di Đà đã phát ra lời nguyện thứ mười tám²⁰.** Vì vậy chí thành niệm danh hiệu của Phật để cầu vãng sanh.

2. Phải lập thời khóa tu Niệm Phật.

- a. **Niệm Phật.** Niệm phải khởi từ tâm;

tiếng phát ra nơi miệng; âm thanh lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn.

- Hoặc tâm muốn nương tựa đức Phật A Di Đà, chí thành, cung kính cầu Phật cứu thoát khỏi Sa Bà, tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc nên miệng niệm: “*Nam mô⁵⁴ A Di Đà Phật*”.
- Hoặc tâm nhớ Phật, hết lòng mong được vãng sanh như con thơ lạc mẹ muốn gặp mẹ nên miệng tha thiết niệm: “*A Di Đà Phật*”.

Khi vọng tưởng khởi, cần phải biết ngay; lắng tai nghe tiếng mình niệm Phật từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn, thì vọng tưởng tự dừng. Đây là pháp “*Phản Văn Trì Danh*”, giúp dẹp vọng tưởng, chuyên tâm niệm Phật.

Nếu có nhiều vọng tưởng, nên áp dụng pháp Thập Niệm Ký Số: Vừa niệm Phật, vừa thầm ghi nhớ từ câu

Phật hiệu thứ nhất tới câu Phật hiệu thứ mười, rồi trở lại từ câu thứ nhất, cứ như thế xoay vần mãi.

Niệm Phật như vậy lâu ngày, vọng tưởng giảm dần. Dụng công bền lâu tự có hiệu quả.

b. **Hồi hướng, phát nguyện.** Nguyên đem công đức niệm Phật và công đức làm các việc lành khác (*nếu có*) xin đức Phật A Di Đà tiếp dẫn mình về thế giới Cực Lạc khi mạng chung, để thoát khổ luân hồi, tu hành đắc đạo, cứu độ chúng sanh. Cũng nên đem tất cả công đức có được hồi hướng cho những oan gia, những ân nhân của mình và chúng sanh trong 6 cõi.

c. **Nếu quá bận rộn,** áp dụng pháp Thập Niệm Hồi Hướng: Mỗi bữa quỳ trước tượng Phật, hay quay mặt về hướng Tây, chắp tay, chí thành niệm 10 hồi “*Nam Mô A Di Đà Phật*”, rồi phát nguyện xin được vãng sanh.

3. Ngoài thời khóa niệm Phật. Ngoài thời

khóa niệm Phật, khi đi, đứng, ngồi, nằm, không lúc nào quên niệm Phật, trừ những lúc cần phải dụng tâm làm việc.

Lúc bình thường, niệm Phật ra tiếng hay niệm thầm, tùy ý. Nhưng khi nằm, khi lửa thể như tắm rửa, thay quần áo hay ở những nơi bất tịnh như đi đại, tiểu tiện, phải niệm thầm, nếu niệm ra tiếng thì mắc lỗi không cung kính.

4. *Làm bất cứ việc gì.* Làm bất cứ việc gì, thiện thì hồi hướng²⁵ cầu vãng sanh, ác thì sám hối³⁸ nguyện vãng sanh, không cầu những lợi ích thế gian.

5. *Lập di chúc.* Lập di chúc để khi lâm chung không vướng mắc bất cứ thứ gì, có thể yên tâm niệm Phật.

6. *Tìm người hộ niệm lúc lâm chung.* Lúc lâm chung, tâm lực người bệnh rất yếu, không thể tự niệm Phật liên tục lâu được, nên cần có người hộ niệm.

7. *Khi bị bệnh.* Khi bị bệnh không cầu khỏi bệnh, không sợ chết. Chỉ nên sanh lòng

tin, niệm Phật, cầu sanh về thế giới Cực Lạc; chẳng nên khởi lên những ý niệm nào khác.

8. Dạy người thân những điều cần làm

a. Khi lâm chung.

- Khi lâm chung người nhà nên khuyên bệnh nhân buông hết thân, tâm, chí thành niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh.
- Đặt hình Phật A Di Đà nơi người bệnh dễ nhìn thấy.
- Trợ niệm giúp bệnh nhân nương theo để tự niệm Phật, và ghi nhớ câu Phật hiệu trong tâm. Tiếng niệm Phật liên tục ngày, đêm không ngắt. Tai người bệnh luôn nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà. Nhờ vào lực tiếp dẫn của Phật, người bệnh sanh về thế giới Cực Lạc. Nhắc người bệnh phát nguyện thật ngắn gọn.
- Không thăm hỏi, khóc lóc, động chạm hay tự ý sửa thế nằm, dờn chỗ

nằm của bệnh nhân.

- Khi người bệnh hấp hối, khó thở, khuyên người ấy: Đức Phật A Di Đà đang phóng quang nhiếp thọ²⁴, phải cố gắng niệm Phật và theo đức Phật A Di Đà về thế giới Cực Lạc. Mọi người niệm rõ ràng từng chữ, chậm theo nhịp thở của người bệnh để người bệnh dễ niệm theo.

b. Sau khi người bệnh tắt thở.

- Khi người bệnh đã tắt thở, vẫn tiếp tục trợ niệm thêm 8 giờ nữa và không động vào xác chết. Nhắc thần thức người ấy là họ đã chết, phải buông bỏ mọi thứ ở thế gian, chí thành niệm Phật và theo Phật về thế giới Cực Lạc.

- Việc tang tế phải dùng đồ chay. Nếu có thể, nên tạo các công đức, hồi hướng cho người chết và chúng sinh trong sáu cõi. Làm Phật sự chỉ nên niệm Phật.

CHÚ THÍCH

1. **Chúng sanh.** Chúng chỉ số đông. Sanh: Có mạng sống. Chúng sanh chỉ tất cả những sinh vật chưa giác ngộ²³, sinh hoạt trong sáu nẻo luân hồi.
2. **Tướng ngũ suy:** *Kinh Niết Bàn, quyển 19 chép:* “Thích Đề Hoàn Nhân (vua ở cõi Trời Đao Lợi) mạng sống sắp hết, có 5 tướng này hiện ra: Hoa trên mũi khô héo, y phục dơ bẩn, thân thể hôi hám, nách ra mồ hôi và không ưa ngồi trên toà.”
3. **Tám nỗi khổ.** *Trong kinh Chuyển Pháp Luân, khi nói về Khổ đế⁸, đức Phật Thích Ca kể bảy thứ khổ ở cõi Ngươi là:* Sanh, già, bệnh, chết, thương phải xa lìa, oán thù gặp gỡ và mong cầu không được.

Giáo lý Đại thừa kể thêm nỗi khổ thứ tám ở cõi Ngươi là: Năm ám lầy lòng.

Ám là ngăn che. Năm ám là 5 thứ ngăn che chân tánh (*chân tánh là bản tánh thật, chẳng biến đổi, còn gọi là Phật tánh, có sẵn nơi mỗi người chúng ta*). Năm ám gồm có:

1. **Sắc ám:** Thân thể của chúng ta.
2. **Thọ ám:** Khi 6 căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,*

ý), tiếp xúc với 6 trần (*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*¹⁸), sinh ra các cảm giác hoặc khổ, hoặc sướng, hoặc vui, hoặc buồn, hoặc không khổ, không vui v.v... Những cảm giác đó gọi là thọ.

3. **Tưởng ẩm**: Khi chúng ta ngồi lại, nhất là ở chỗ vắng vẻ, liền nhớ lại hoặc nghĩ đến một danh từ, một sự việc, hay một hình ảnh, liền khởi tưởng.
4. **Hành ẩm**: Gồm có thân hành, ngữ hành và ý hành là những tạo tác của thân, miệng và ý.
5. **Thức ẩm** là cái biết phân biệt nơi 6 giác quan (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý*). Ví dụ: Khi mắt thấy sắc, liền phân biệt đẹp hay xấu. Khi tai nghe tiếng, liền phân biệt trong hay đục. Khi lưỡi nếm vị, liền phân biệt ngon hay dở.

Ấn Quang đại sư giảng:

“Bảy thứ khổ đầu tiên là quả báo của đời quá khứ. Nổi khổ thứ 8 che lấp chân tánh, như mây đen che mặt trời không cho ánh sáng hiển lộ, khởi hoặc (*khởi mê lầm*) gây nghiệp mạnh như ngọn lửa bốc cháy nên gọi là lấy lừng. Cái khổ thứ 8 này là nhân tạo ra quả khổ về sau. Nhân quả dây dưa, nối nhau không dứt, hết kiếp này sang kiếp khác, chẳng thể thoát ly.”

4. **Liễu thoát sanh tử là chuyện lớn nhất trong đời người.** Liễu là đầy đủ, hoàn toàn. Vĩnh viễn thoát khỏi vòng sanh tử là chuyện lớn nhất trong đời người.

Pháp môn Niệm Phật. Niệm là tiếng Hán. Chữ Hán là chữ tượng hình, nhiều chữ phát âm giống nhau, nhưng viết khác nhau nên nghĩa khác nhau. Có nhiều chữ niệm. Chữ niệm bộ tâm ghép từ chữ kim ở trên và chữ tâm ở dưới. Kim có nghĩa là hiện tại. Niệm Phật có nghĩa là: Tâm hiện tại nhớ, nghĩ đến Phật, muốn được ở gần Phật.

Có nhiều pháp môn Niệm Phật; nhưng chỉ có pháp môn “*Trì Danh Niệm Phật*” là dễ dụng công, rất an ổn, mau thành tựu hơn cả¹³, nên: Các Tổ sư của tông Tịnh Độ đều truyền dạy pháp môn này, và “*pháp môn Trì Danh Niệm Phật*” được gọi tắt là “*pháp môn Niệm Phật*”.

Tâm và tiếng dung hòa nhau. Người tu pháp môn Niệm Phật (*Trì Danh Niệm Phật*) lúc nào tâm cũng nhớ đức Phật A Di Đà, hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc để được gần Phật nên miệng xưng danh hiệu của Phật để cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh.

Tổ Ấn Quang khuyên: “Niệm phải khởi từ tâm, tiếng phát ra nơi miệng, âm thanh lọt vào tai

từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn.”

Hoặc vì tâm nhớ đức Phật A Di Đà, muốn nương tựa Phật, chí thành, cung kính cầu Phật cứu thoát khỏi Sa Bà, tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc nên câu “*Nam mô A Di Đà Phật*” mới từ miệng phát ra. (*Nam mô có nghĩa là: Kính lễ, quy y, quy mạng, xin cứu con, độ con*⁵⁴.)

Hoặc vì tâm nhớ đức Phật A Di Đà, hết lòng mong muốn gặp Phật như con thơ lạc mẹ muốn gặp mẹ, nên câu “*A Di Đà Phật*” mới từ miệng phát ra. (*Con thơ lạc mẹ, không nói “Con kính lay mẹ, con muốn nương tựa mẹ, xin mẹ cứu con..., mà chỉ tha thiết gọi “Mẹ! Mẹ! Mẹ!...”*)

Tội Ngũ Nghịch gồm có năm tội cực nặng là: Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm Phật chảy máu hay phá hủy tượng Phật, chia rẽ chư Tăng.

Tội Thập Ác gồm có ba tội của thân là sát sanh, trộm cắp, tà dâm; bốn tội của miệng là nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung dữ; ba tội của ý là tham lam, sân hận, si mê.

5. **Tiểu thừa, Đại thừa.** Phật giáo hiện nay chia thành 2 thừa là Tiểu thừa và Đại thừa. Thừa là cái xe, hàm ý chở người từ chỗ mê tới chỗ giác ngộ.

1. **Tiểu thừa.** Tiểu thừa gồm có Thanh Văn

thừa và Duyên Giác thừa. Tiểu thừa truyền về phía Nam, nên còn gọi là Nam tông. Tiểu thừa cho rằng tu chỉ để giải thoát cho chính mình, nên ví như xe nhỏ chỉ chở được một người thôi.

2. **Đại thừa.** Đại thừa là Bồ Tát thừa, truyền về phía Bắc, nên còn gọi là Bắc tông. Đại thừa cho rằng ai cũng có tánh Phật, nên ai cũng có thể tu thành Phật; người tu hành phải vì mục đích độ²³ mình và tất cả chúng sanh, nên ví như xe lớn chở được nhiều người.

Trong sách Niệm Phật Thập Yếu, chương 8, Đệ Bát Yếu, Hòa Thượng Thích Thiên Tâm giảng: “Niệm Phật là pháp Đại thừa viên đốn. Nói Đại thừa vì pháp này lấy niệm Phật làm nhân, lấy thành Phật làm quả. Nói viên (viên là tròn, đầy đủ) vì pháp này bao hàm tất cả mọi pháp môn khác. Nói đốn (đốn là nhanh, tất, không qua trung gian) vì pháp này đưa từ hàng phàm phu (người thường) lên ngôi Bồ Tát Bất Thoái, từ bậc sơ học lên quả Vô Thượng Bồ Đề rất thẳng tắp, mau lẹ.” (Bồ Đề là giác. Quả Vô Thượng Bồ Đề là quả giác ngộ cao nhất tức là quả giác ngộ của Phật)

6. Giới, định, huệ.

1. **Giới:** Giới luật để ngăn ngừa, trừ diệt các ác

ngiệp, và tăng thêm các thiện nghiệp của thân, miệng, ý.

2. **Định:** Thiền định giữ cho tâm được yên lặng, không bị giao động, không có vọng tưởng.
3. **Huệ:** Trí huệ quán suốt chân lý, dứt bỏ mê lầm. Trí huệ này không phải do học tập mà được. Nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Huệ.
7. **Triền phược:** Triền là quán chặt lại. Phược là sợi dây. Triền phược là tất cả những điều ràng buộc, chướng ngại người tu hành, chủ yếu là những phiền não: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.
8. **Thanh Văn** dịch từ tiếng Phạn “*Sravaka*”, là những người tu pháp Tứ Diệu Đế để tự cứu mình thoát khổ. Bốn diệu đế (*Bốn chân lý nhiệm mầu*) này là :
 1. **Khổ đế:** Tất cả những nỗi khổ của con người.
 2. **Tập đế:** Tập hợp tất cả những nguyên nhân gây khổ (*Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến...*) làm cho là mình.
 3. **Diệt đế:** Diệt hết những nguyên nhân gây khổ thì hết khổ.
 4. **Đạo đế** là những phương pháp để diệt những

nguyên nhân gây khổ.

Bốn quả vị của Thanh Văn thừa là Sơ quả Tu Đà Hoàn, Nhị quả Tư Đà Hàm, Tam quả A Na Hàm và Tứ quả A La Hán. Phải đắc A La Hán mới thoát sanh tử luân hồi.

9. **Bồ Tát** phiên âm từ tiếng Phạn “*Bodhisattva*”, là danh hiệu của những người tu pháp Lục Độ để tự giác ngộ²³ (*tự giác*) và giúp người khác giác ngộ (*giác tha*). Lục Độ gồm có:

1. Bố thí độ (*giúp khổi*) tham lam.
2. Trì giới độ hủy giới, phạm giới.
3. Nhẫn nhục độ sân hận.
4. Tinh tấn độ giải đãi.
5. Thiền định độ tán loạn.
6. Trí huệ độ ngu si.

Tổ Ngẫu Ích nói: “Người chân thật niệm Phật buông cả thân tâm thế giới là đại bố thí; không khởi tham, sân, si là đại trì giới; không so đo phải quấy, hơn thua là đại nhẫn nhục; không gián đoạn, xen tạp là đại tinh tấn; không để vọng tưởng buông lung là đại thiền định; không bị sáu trần³ mê hoặc là đại trí huệ.”

Có 51 ngôi Bồ Tát: 10 ngôi Tín, 10 ngôi Trụ, 10

ngôi Hạnh, 10 ngôi Hồi Hưởng, 10 ngôi Địa và ngôi thứ 51 là Đẳng Giác.

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng: “Khi Bồ Tát đạt được giác mãn (giác ngộ hoàn toàn²³: Tự giác viên mãn và giác tha viên mãn tức là Giác, hạnh viên mãn) thì gọi là Diệu giác, là Phật.”

10. **Vãng sanh:** Viết tắt của *Vãng sanh Cực Lạc thế giới*, có nghĩa là: Sanh qua thế giới Cực Lạc⁷⁰.
11. **Luân hồi sanh tử.** Luân là bánh xe. Hồi là trở lại. Tử là chết. Luân hồi sanh tử là: Sanh ra, chết đi; rồi lại sanh ra, chết đi; cứ tiếp diễn hết đời này sang đời khác như cái bánh xe quay hết vòng này sang vòng khác, không ngừng.
12. **Bồ Tát cầu vãng sanh Tây phương để viên mãn Phật quả.**

(Tây phương ám chỉ thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Chúng sanh ở đó không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui.

Viên là tròn, hàm nghĩa đầy đủ. Mãn là xong. Viên mãn Phật quả là tu xong đầy đủ quả vị Phật, giác ngộ hoàn toàn⁹)

Theo phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm thì: “Các Bồ Tát nơi Hoa Tạng thế giới đều nghe theo lời khuyên của đức Phổ Hiền Bồ Tát, cầu sanh về thế giới Cực Lạc để tu thành

Phật.”

Đẳng Giác Bồ Tát⁹ Văn Thù muốn viên mãn Phật quả (muốn thành Phật) cũng phải cầu vãng sanh Tây phương:

“Tôi nguyện lúc lâm chung,

Trừ tất cả chướng ngại,

Thấy Phật A Di Đà,

Sanh về cõi Cực Lạc.

Khi đã về nơi ấy,

Thành tựu các đại nguyện,

A Di Đà Thế Tôn

Thọ ký cho thành Phật.”

13. **Trì danh hiệu Phật:** Trì là *giữ gìn*. Trì danh hiệu Phật là: *Niệm danh hiệu Phật không xen tạp, không gián đoạn.*

Pháp môn Niệm Phật dễ dụng công, rất an ổn, mau thành tựu.

1. ***Dễ dụng công*** vì: Ai cũng có thể niệm Phật được, bất cứ ở đâu, lúc nào cũng niệm Phật được, trừ khi phải dụng tâm làm việc.
2. ***Rất an ổn*** vì: Thành tâm niệm Phật cầu vãng sanh thì tiêu trừ được rất nhiều tội đã tạo ra;

được tất cả chư Phật hộ niệm; đức Phật A Di Đà phóng quang nhiếp thọ và 25 đại Bồ Tát ngày đêm bảo vệ, gia hộ⁵⁰.

3. **Mau thành tựu** vì: Hết lòng tin ưa mong muốn sanh về thế giới của đức Phật A Di Đà mà niệm danh hiệu của Phật để cầu vãng sanh thì khi lâm chung được Phật tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc (*kinh Vô Lượng Thọ, nguyện thứ 18*), vĩnh viễn thoát sanh tử luân hồi, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, lên ngôi Bất Thoái...(*kinh A Di Đà*).
14. **Thời diệt pháp** là lúc Chánh Pháp suy tàn. *Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi* chép: “
 1. **Thời Chánh Pháp**. Sau khi đức Phật Thích Ca diệt độ là thời Chánh Pháp dài 500 năm: Trì giới kiên cố.
 2. **Thời Tượng Pháp** 1000 năm kế tiếp: Thiền định kiên cố.
 3. **Thời Mạt Pháp** 10.000 năm kế tiếp: Niệm Phật kiên cố.”

Đức Phật Thích Ca hạ sanh năm 623 trước Dương lịch và nhập Niết Bàn khi 79 tuổi (*80 tuổi ta*). Như vậy, hiện nay chúng ta đang ở trong thời Mạt Pháp.

Ước: Theo tự điển Việt Pháp của Đào Đăng Vĩ thì:

1 ức bằng 100 ngàn.

Theo Yếu Giải Phật Thuyết A Di Đà Kinh của Tổ Trí Húc thì: 1 ức bằng 10 triệu.

Theo sách Niệm Phật Thập Yếu của Hòa Thượng Thích Thiên Tâm thì: Số ức của Ấn Độ thời xưa có 3 bậc, mà mức trung bình là 1 triệu.

Xuất ly. Xuất là ra khỏi. Ly là lìa xa. Chẳng thể xuất ly là: Chẳng thể ra khỏi 3 cõi²⁵ (*chẳng thể thoát khỏi sanh tử luân hồi*).

15. **Tông chỉ.** Tông là môn phái. Chỉ là ý tưởng chánh yếu. Tông chỉ là tư tưởng chánh yếu của môn phái.

16. **Sa Bà.** Sa Bà là phiên âm từ tiếng Phạn “*Saha*”, Trung Hoa dịch là *Kham nhẫn*. Kham là cam chịu. Nhẫn là nhịn. Chúng sanh ở Sa Bà cam chịu mọi sự khổ.

Theo sách Niệm Phật Thập Yếu của Hòa Thượng Thích Thiên Tâm thì: “Sa Bà gồm có 1000 triệu Thái Dương hệ. Trái Đất của chúng ta là 1 Hành tinh thuộc về 1 trong những Thái Dương hệ này. Vị Giáo Chủ ở cõi Sa Bà là đức Phật Thích Ca Mâu Ni.”

17. **Vô thường.** Vô là không. Thường là thường có, thường hằng. Vô thường chột đến là sự chết có thể xảy đến bất cứ lúc nào.

18. **Tịnh độ.** Tịnh độ là những quốc độ do chư Phật hoá hiện. Vì nguyên nhân tạo ra những quốc độ này là sức phước huệ của chư Phật và công đức tu tập của những chúng sanh nguyện sanh về các cõi ấy, nên các quốc độ này đều trang nghiêm, thanh tịnh, thuần vui.

Tịnh Độ còn có nghĩa riêng là thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.

Pháp. Chữ “pháp” dịch từ tiếng Phạn “*dharma*” có nghĩa rất rộng, chỉ tất cả mọi sự vật có hình hay vô hình, có thể đặt tên để gọi, dùng lời nói để diễn tả, làm khởi lên một ý ở trong tâm.

Tâm pháp là những sự việc khởi lên trong tâm.

19. **Hoặc.** *Hòa Thượng Thích Tâm Châu giảng:*
“Hoặc là mê lầm:

1. **Kiến hoặc** là mê lầm vì thấy sai. Cố chấp những thành kiến, tà kiến.
2. **Tư hoặc** là mê lầm vì suy nghĩ sai. Tham, sân, si, mạn, nghi...
3. **Trần sa hoặc:** Có vô số cảnh giới, mỗi cảnh giới có vô lượng chúng sanh, những mê lầm của chúng sanh nhiều như cát bụi. Vì mê lầm, chúng sanh không thấu suốt được các pháp môn, làm chướng ngại hạnh lợi tha của Bồ Tát.”

Chứng chân: Chứng là thấy, biết rõ. Chân là thật, không giả. Chứng chân là thấy, biết rõ sự thật về tất cả mọi sự việc, đời sống, vạn vật, vũ trụ v.v.

20. **Lời nguyện của đức Phật A Di Đà.** Khi còn đang tu hành, chưa đắc đạo, ngài Pháp Tạng, tiền thân của đức Phật A Di Đà đã phát ra 48 lời đại nguyện (*kinh Vô Lượng Thọ*). *Quan trọng nhất là nguyện thứ 18:* “Khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương hết lòng tin ưa, mong muốn sanh về cõi nước của tôi, niệm danh hiệu tôi cho đến 10 niệm, nếu không được sanh, tôi không giữ ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác²⁹. Chỉ trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch⁴, chê bai chánh pháp.”
21. **Mạng chung.** Mạng là mạng sống. Chung là hết. Mạng chung là mạng sống kết thúc.
22. **Tiếp dẫn.** Tiếp là đón tiếp. Dẫn là đưa đi.
23. **Phật:** Tiếng Phạn là “*Bouddha*”, Trung Hoa dịch là Phật Đà. Phật là đấng giác ngộ hoàn toàn, dùng sự giác ngộ của mình để giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh cũng được giác ngộ như mình.

(Giác là biết. Ngộ là hiểu rõ. Giác ngộ hoàn toàn là hoàn toàn hiểu biết thật rõ ràng, chính xác, hợp với chân lý về tất cả mọi sự việc, đời sống,

vạn vật, vũ trụ...

Giáo là giảng dạy. Hóa là chuyển hóa. Giáo hoá chúng sanh là giảng dạy để chuyển chúng sanh từ mê thành giác, giúp chúng sanh hiểu biết thật rõ ràng chính xác mọi sự việc...)

Vì đã giác ngộ hoàn toàn, Phật hiểu biết thật rõ ràng, chính xác tất cả các pháp và căn cơ của từng chúng sanh, nên Phật giáo hóa chúng sanh không gặp chướng ngại. Tùy theo sự hiểu biết của từng chúng sanh mà Phật nói pháp, hoặc nói cao hoặc nói thấp, khiến cho ai cũng tin nhận được sự giáo hóa của Phật, cũng được lợi ích.

Phật độ chúng sanh: Độ nghĩa là đưa qua sông. Phật độ chúng sanh có nghĩa là: Phật cứu chúng sanh, đưa qua sông mê tới bờ giác ngộ, tức là giúp chúng sanh khỏi bị mê lầm.

A Di Đà là phiên âm từ tiếng Phạn “*Amitabha*”, dịch ra tiếng Hán là vô lượng, có rất nhiều nghĩa: Quang minh, thọ lượng, trí huệ, thần thông, biện tài, tướng hảo, đạo tâmtất cả đều vô lượng. Hai nghĩa quan trọng nhất là: Vô lượng quang và vô lượng thọ.

Đức Phật A Di Đà có danh hiệu là Phật Vô Lượng Quang vì: Vô lượng quang minh của đức Phật ấy soi các thế giới ở khắp mười phương không gì chướng ngại.

Đức Phật A Di Đà có danh hiệu là Phật Vô Lượng Thọ vì: Thọ mạng của đức Phật ấy lâu dài đến vô lượng vô biên kiếp.

24. **Nhiếp thọ:** Nhiếp là thu lấy. Thọ là nhận, lãnh. Nhiếp thọ là thu nhận để dạy dỗ.

Nhiếp sáu căn là thu phục, kèm giữ sáu căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*) chẳng để cho sáu căn chạy theo sáu trần (*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*¹⁸).

25. **Hồi hướng.** Hồi là quay về. Hướng là hướng đến. Đem công đức mình tu hồi hướng vắng sanh có nghĩa là: Mình bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp¹⁸ lôi cuốn; nay quay về tu hành (*niệm Phật*), đem công đức mình tu hướng đến việc cầu được vắng sanh.

Ba cõi. Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc. Chúng sanh trong ba cõi này đều phải luân hồi sanh tử.

1. **Cõi Dục** là nơi chúng sanh có thân hình, nhiều ham muốn, gồm có: Các cõi Địa Ngục, Ngã Quỷ, Súc Sanh, A Tu La, Người, và các cõi Trời Dục.
2. **Cõi Sắc** là cõi Trời, cao hơn cõi Trời Dục. Chúng sanh nơi này thân hình xinh đẹp, ít ham muốn.

3. **Cõi Vô Sắc** là cõi Trời cao hơn cõi Trời Sắc. Chúng sanh nơi này không có thân hình, không còn ham muốn, nhưng vẫn còn phiền não vi tế (*vi tế là nhỏ, sâu kín, khó thấy*).

Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ chép:

“Ba cõi không yên,
Dường như nhà lửa,
Các khổ đầy đây.
Thật đáng kinh hãi !”

Bổn ơn. Bốn ơn là: Ơn cha mẹ sanh ra ta, nuôi dưỡng ta; ơn Tam Bảo (*ơn Phật, ơn Pháp, ơn Tăng*) giúp ta hiểu rõ Chánh pháp; ơn quốc gia nơi ta sanh sống và ơn chúng sanh làm các nghề giúp ta sanh sống.

26. **Thắng hạnh Đại thừa.** Thắng là hay nhất, đẹp nhất, tốt hơn hết. Hạnh hay hành là việc làm. Thắng hạnh Đại thừa là việc làm cao đẹp nhất: *“Tu hành đắc đạo để cứu độ chúng sanh”*.

27. **Bảy báu** là: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ (*ngọc trai*), xích châu, mã não.

Bồ thí. Bồ là rộng, khắp. Thí là dâng, tặng, cho. Bồ thí là dâng tặng rộng khắp.

Người bồ thí không thấy mình là người cho, ban

ơn cho người nhận; chẳng phân biệt người nhận là thân hay thù; chẳng tiếc rẻ những gì mình đã dâng tặng.

Có ba loại bố thí là:

1. Tài thí: Hiến tặng tiền bạc, của cải.
2. Vô úy thí: An ủi, giúp người khác khỏi lo sợ.
3. Pháp thí: Khuyến dạy, giúp người khác tu hành.

Bố thí tiền của thì sẽ được hưởng tài lộc. Bố thí vô úy thì sẽ không lo sợ, có sức khỏe tốt, trường thọ. Bố thí pháp thì sẽ thông minh, có trí huệ.

28. **Hộ trì:** Hộ là giúp đỡ. Trì là giữ gìn.
29. **Mười phương** là các phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông-Bắc, Đông-Nam, Tây-Bắc, Tây-Nam, Trên, Dưới.

Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Dịch từ tiếng Phạn “*Anouttara Samyak Sambodhi*”, phiên âm là *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Hoà thượng Tịnh Không giảng: “Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là sự giác ngộ trọn vẹn và cao nhất. Đây là trí huệ hoàn hảo tối hậu. Ai đạt được trí huệ này có thể nhận biết mọi phương diện của chân lý, đời sống, vạn vật và vũ trụ.”

Ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là ngôi Phật.

30. **Nhiếp**: Viết tắt của “*nhiếp thọ*” có nghĩa là thọ nhận²⁴.

31. **Cầu, thiện**. Cầu là dơ bẩn. Thiện là lành.

1. **Ba cầu** là: Tham, sân và si.

2. **Mười điều thiện** (*thập thiện*) gồm có:

- **Ba điều thiện của thân**:

Không giết hại, mà cứu mạng. Không trộm cướp mà bố thí. Không tà dâm, mà tiết giảm dâm dục.

- **Bốn điều thiện của miệng**:

Không nói dối, mà nói lời thành thật. Không nói lời dua nịnh, khiêu dâm, quanh co, ngụy biện, mà nói lời đúng đắn, thẳng thắn. Không nói lời thô ác, mà nói lời nhã nhặn. Không nói lời ly gián, mà nói lời hoà giải.

- **Ba điều thiện của ý**:

Không tham, mà đối với cảnh chẳng lưu luyến, mê đắm. Không sân, mà từ bi, thương người và các loài hữu tình. Không si mê, mà hiểu rõ nhân quả, tin chánh

pháp và biết phân biệt lành, dữ, chánh, tà.

32. **Tây phương tam thánh:** Tây phương tam thánh là: Đức Phật A Di Đà (*giáo chủ ở thế giới Cực Lạc*) và Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí (*hai phụ tá của đức Phật A Di Đà*).

33. **Diệu hạnh.** Diệu là rất nhiệm màu. Hạnh hay hành là hành động, là việc làm.

Diệu hạnh là việc làm rất nhiệm màu.

34. **Được chư Phật ở mười phương hộ niệm:** Hộ có nghĩa là giúp đỡ. Niệm, viết tắt của quyển niệm, có nghĩa là thương nhớ. Niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thì được tất cả chư Phật ở khắp mười phương²⁹ thương nhớ, giúp cho không bị thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác²⁹. (*Kinh A Di Đà*)

Bổn nguyện của Phật. Phật có tổng nguyện và biệt nguyện.

1. **Tổng nguyện.** Tổng nguyện là nguyện chung của tất cả chư Phật: “*Nguyện trên thành Phật đạo, dưới cứu độ chúng sanh.*”

2. **Biệt nguyện.** Biệt nguyện là những cách riêng của mỗi vị Phật dùng để cứu độ chúng sanh.

Kinh Vô Lượng Thọ chép 48 biệt nguyện của

đức Phật A Di Đà. Tổ Pháp Nhiên và Tổ Thiệu Đạo chỉ gọi biệt nguyện thứ 18 (*nguyện tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc tất cả chúng sanh hết lòng tin ưa mong muốn sanh về thế giới của Phật, niệm danh hiệu Phật để cầu vãng sanh*) là bốn nguyện hay bản nguyện của đức Phật A Di Đà vì đây là nguyện quan trọng nhất của đức Phật ấy (*Bốn hay bản là gốc. Bốn nguyện hay bản nguyện là nguyện gốc, nguyện chính, nguyện quan trọng nhất*).

35. **Hệ niệm.** Hệ là trói buộc. Sự hệ niệm không nối tiếp nhau nghĩa là: Sự niệm Phật không liên tục, các câu Phật hiệu bị xen cách bởi những tạp niệm, không nối liền với nhau.
36. **Sát na** phiên âm từ tiếng Phạn “*ksana*”, là đơn vị thời gian ngắn nhất của Ấn Độ xưa, ngắn hơn một giây rất nhiều.
37. **Quyên thuộc.** Quyên là viết tắt của gia quyên. Thuộc là viết tắt của thân thuộc.
- Quyên thuộc là những người trong gia đình và bạn bè, người thân.
38. **Sám hối.** Sám hối là động từ kép, ghép từ tiếng Phạn “*samma*” nghĩa là hổ thẹn, ăn năn vì những tội lỗi đã làm và tiếng Trung Hoa “*hối quá*” nghĩa là sửa đổi lỗi lầm.

Cách sám hối: Tự bày tỏ những tội lỗi mình đã làm trước hình, tượng Phật, Bồ Tát hay trước các bậc đức hạnh; ăn năn, hứa sửa đổi, không tái phạm.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương chép: “Người có lỗi tự hiểu biết sai, đổi ác làm thiện, tội tự tiêu diệt.”

39. **Phước hữu lậu.** Hữu là có. Lậu là rò rỉ chảy ra bên ngoài, ám chỉ các phiền não như tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, từ bên trong phát lộ ra bên ngoài.

Phước hữu lậu là phước trong cõi Trời, cõi Người; do hành động tạo tác gây ra phiền não, vẫn phải luân hồi sanh tử. Khi hưởng hết phước ở các cõi lành này; lúc chết, tất sẽ bị đọa vào các cõi ác.

40. **Siêu phàm, nhập Thánh.** Siêu là vượt qua khỏi. Phàm là thường. Nhập là vào. Thánh là bậc giác ngộ, đã thoát khỏi khổ sanh tử luân hồi.

Siêu phàm, nhập Thánh là vượt ra khỏi sáu cõi tầm thường (*Địa ngục, Ngã quỷ, Súc sanh, A Tu La, Người, Trời*), dự vào hàng Thánh, thoát khỏi sanh tử luân hồi.

41. **Ma Ni** phiên âm từ tiếng Phạn “*Mani*”, Trung Hoa dịch là ngọc Như Ý, một loại ngọc rất quý, chỉ có trong huyền thoại. Chủ của viên ngọc có thể

dùng nó để cầu những thứ mình muốn.

42. **Đề hồ.** Đề hồ là một thực phẩm làm từ sữa, bổ và ngon.
43. **Tạng thức.** Tạng thức là chỗ chứa các nghiệp thiện, ác của chúng sanh. Khi chết Tạng thức mang nghiệp sang kiếp khác, tùy nghiệp mà vào cảnh giới mới.
44. **Huân tập.** Huân là xông, ướp hơi. Tập là viết tắt của tu tập.

Huân tập là tu tập lần lần cho thấm sâu vào tâm, cũng như xông ướp hơi thơm.

45. **Tam muội.** Tam muội hay Tam ma địa là phiên âm từ tiếng Phạn “*Samadhi*”. Trung Hoa dịch là Chánh định, chỉ tình trạng tâm ý gom về một mối, an trú trên đối tượng, vắng bật vọng tưởng.

-Kinh Lăng Nghiêm chép: “Bồ Tát Đại Thế Chí nói: Thu nhiếp²⁴ cả 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), tịnh niệm tiếp nối, được vào tam ma địa.”

-Trong sách Niệm Phật Thập Yếu, Hoà thượng Thích Thiện Tâm viết: “Khi đạt được Niệm Phật Tam Muội thì có đủ cả trí huệ lẫn phước đức. Niệm Phật Tam Muội tuy là chỗ cứu cánh của pháp môn Niệm Phật, nhưng chỉ đứng về hàng thứ yếu, vì chúng sanh trong thời mạt pháp này

không thể tu trong một đời mà đạt được. Cầu vãng sanh Tịnh Độ trong một đời để được bất thoái chuyển mới là tông chỉ chánh yếu, cần thiết của pháp môn này.”

46. **Tâm hôn loạn.** Hôn là mê muội. Loạn là bất an (*không yên*).

Phàm phu tham, sân, si....., luôn luôn bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp lôi cuốn nên gọi là hôn, lúc nào cũng nghĩ, tưởng lung tung nên gọi là loạn; khi niệm Phật thì buồn ngủ, lơ mơ, không nhận ra tiếng Phật hiệu nên gọi là hôn, không dừng được vọng tưởng nên gọi là loạn.

Tâm an định. An là yên. Tâm định là tâm dừng lại, không nghĩ tưởng lung tung, an trú trên đối tượng.

47. **Niệm Phật càng nhiều, vọng niệm càng giảm.**

- *Đại sư Tuyết Hưng giảng:* “Vì còn tội nghiệp, nên tâm khởi phiền não. Khi tâm khởi phiền não, thì không thể chí tâm niệm Phật được”.

Nhưng danh hiệu của đức Phật A Di Đà có công năng tiêu trừ nghiệp chướng rất mạnh, nên niệm Phật càng nhiều thì nghiệp chướng tiêu trừ càng nhiều, tâm càng ít khởi phiền não, vọng niệm càng giảm, niệm Phật càng dễ đạt nhất tâm.

-*Đại sư Ấn Quang viết:* “Niệm Phật diệt được

vọng tưởng. Hãy thử niệm Phật, sẽ thấy các thứ vọng tưởng trong tâm hiện ra. Niệm Phật lâu ngày, tự thấy không có các thứ vọng niệm đó nữa. Lúc đầu, biết có vọng niệm là nhờ niệm Phật, không niệm Phật sẽ chẳng thấy. Ví như trong nhà sạch, không thấy bụi. Nếu có một ánh nắng lọt qua khe cửa sẽ thấy rất nhiều bụi. Bụi trong nhà do ánh mặt trời hiện rõ. Vọng niệm trong tâm do niệm Phật hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm sẽ thanh tịnh.

Do vì hoặc (*mê lầm*) nghiệp, tâm và miệng chúng sanh biến thành ô nhiễm, nên Phật dạy dùng tâm và miệng xưng niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm Phật lâu ngày, nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, thân, tâm đều thanh tịnh.”

48. **Ngựa ý, vượn lòng.** Dịch từ thành ngữ “*Tâm viên, ý mã*”, ví tâm loạn tưởng của chúng ta với con vượn chuyền cành, từ nhánh này sang nhánh khác chẳng ngừng; ví ý tưởng của chúng ta chọt đến, chọt đi nhanh như con ngựa phi.
49. **Nếu niệm lực tinh thuần thì ngay trong hiện đời cũng có thể chứng Thánh.**

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai; nhưng

vì vọng tưởng, chấp trước nên không thể chứng đắc.”

Người tha thiết niệm Phật cầu vãng sanh thì: Miệng xưng danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh; tâm nhớ Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật, chẳng khởi vọng tưởng, chấp trước; nếu vọng tưởng khởi, tâm nhớ Phật liền biết, tiếp tục chuyên chú nơi danh hiệu Phật, chẳng chuyển theo vọng. Chuyên tâm niệm Phật như vậy lâu ngày, vọng tưởng, chấp trước giảm dần; trí huệ, đức tướng từ từ khôi phục. Tới khi vọng tưởng, chấp trước không sanh, tâm trở nên thanh tịnh; trí huệ khôi phục đủ để dứt được kiến hoặc và tư hoặc¹⁹ thì không tái sanh trong vòng luân hồi nữa, gọi là chứng Thánh.

Thiện tri thức. Thiện tri thức là người hiểu biết Chánh pháp, chỉ dạy người khác tu tập.

50. **Công đức của Phật danh.**

Kinh Vô Lượng Thọ chép: “Người nào được nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà mà mừng khắp khởi, dầu là vui mừng cho đến một niệm ngắn ngủi đi nữa, nên biết người đó đã được lợi lớn, đầy đủ công đức cao tột.”

Kinh Tăng Nhất A Hàm chép: “Nếu có người dùng vật chất bố thí chúng sanh trong thế giới này đầy đủ, không bị đói khát, thì công đức thật

là nhiều. Nhưng so với người niệm danh hiệu Phật trong giây phút thì không bằng một phần muôn ngàn lần.”

Theo kinh Phật Thuyết Thập Vãng Sanh A Di Đà Phât Quốc thì: “Người chí thành niệm Phật được 25 vị đại Bồ Tát (Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Vô Biên Thân Bồ Tát....) bảo vệ, giúp đỡ.”

Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: “Phật A Di Đà phóng quang soi khắp 10 phương vô lượng Thế giới, nhiếp lấy không bỏ những ai niệm Phật.”

Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: “Chí tâm niệm Phật một tiếng diệt được tội sanh tử 80 ức kiếp.”

Kinh Vô Lượng Thọ chép: “Khi tôi thành Phật, chúng sanh mười phương hết lòng tin ưa, mong muốn sanh về cõi nước của tôi, niệm danh hiệu tôi cho đến mười niệm; nếu không được sanh, tôi không giữ ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác, chỉ trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch, chê bai Chánh pháp.”

V.V..

Sách Tuyết Hư Lão Nhân Tuyển Tập và sách Tịnh Độ Hoặc Vấn của Thiền sư Thiên Như Duy Tắc tóm tắt những lợi ích của người niệm Phật:
“Người chí tâm niệm Phật được 10 điều lợi:

1. Thường được tất cả chư Phật ngày đêm hộ niệm³⁴.
2. Đức A Di Đà phóng quang nhiếp thọ²⁴.
3. Thường được 25 đại Bồ Tát như đức Quán Thế Âm Bồ Tát bảo vệ, gia hộ.
4. Ngày đêm thường được chư thiên cùng các đại lực, thần tướng ẩn mình yểm hộ.
5. Tất cả dạ xoa, ác quỷ, rắn độc, thuốc độc, đều không thể làm hại.
6. Không bị các tai nạn như nước, lửa, đao, tên, gông xiềng, lao ngục, giặc cướp, oan gia, cùng các thứ chết dữ.
7. Những tội đã làm thấy đều bị tiêu diệt.
8. Những kẻ chết oan vì mình đều được giải thoát, không còn kết oán ràng buộc.
9. Đêm nằm ngủ, thường mơ thấy điềm lành, hoặc mơ thấy đức Phật A Di Đà. Tâm thường vui vẻ, sắc tươi nhuận, khí lực đầy đủ. Việc làm có kết quả tốt đẹp, lợi ích. Mọi người trông thấy đều vui mừng, cung kính.
10. Khi mạng chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được Tây Phương tam Thánh tiếp dẫn sanh về thế giới Cực Lạc.”

Chín điều trước là những lợi ích chuyển hoá nghịch cảnh, tiêu trừ tai nạn, nên *Tổ Ấn Quang* nói: “Sống được đại lợi ích: Không mong cầu những lợi ích thế gian, mà tự được hưởng những lợi ích này.”

Điều lợi cuối cùng là thân sau thoát khỏi sanh, tử luân hồi nên *Tổ Ấn Quang* nói: “Chết cũng được đại lợi ích: Vãng sanh Cực Lạc.”

51. **Quy mạng.** *Theo Tiểu Từ Điển Phật Học Thông Dụng của soạn giả Thiện Nhựt, Huỳnh Hữu Hồng thì:* “Quy là quay về. Mạng là viết tắt của mạng lệnh. Quy mạng có nghĩa là: Kính lễ, cúi đầu tuân phục.”

Theo Hòa Thượng Tuyên Hóa thì: “Quy mạng A Di Đà Phật có nghĩa là: Con quay về nương tựa đức Phật A Di Đà, hoàn toàn tin Phật, vâng lời Phật, Phật bảo sao, con làm vậy.”

52. **Chú Vãng Sanh.** *(Bạt nhất thiết nghiệp chương căn bản, đắc sanh Tịnh Độ đờ ra nì)* Nam mô A Di Đà bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa diệt dạ tha. A di rị đô bà tì. A di rị đa tất đam bà tì. A di rị đa tì ca lan đế. A di rị đa tì ca lan đã, Đà di nị, dà dà na. Chỉ đá ca lệ. Ta bà ha.

53. **Kệ khen Phật.** Có nhiều bài kệ khen đức Phật A Di Đà. Chọn một bài dễ hiểu để đọc. Phải y theo nghĩa của bài kệ mà phát tâm khen.

Có thể dùng mấy câu tương đối dễ hiểu sau đây làm bài kệ khen Phật:

“Mười phương²⁹ chư Phật ba đời,
Di Đà bậc nhất, phát lời độ tha,
Độ lên chín phẩm liên hoa,
Trang nghiêm, oai đức, so ra ai bì.”

54. **Nam mô.** *Hoà Thượng Thích Trí Thủ giảng:*
“Nam mô phiên âm từ tiếng Phạn *namo*, có nghĩa là: Kính lễ, phụng thờ, quy y⁵⁸, quy mạng⁵¹, xin cứu con, độ con.”
55. **Đại từ, đại bi.** Đại là to, lớn. Từ là ban vui. Bi là cứu khổ.
56. **Thanh tịnh đại hải chúng Bồ Tát.** Các Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc đều rất thanh tịnh và nhiều như nước ở trong biển cả, không thể tính đếm hết được.
57. **Văn phát nguyện.** Có nhiều bài văn phát nguyện. Ví dụ như 2 bài ở mục V chương 4, hay bài sau đây:

“Nguyện sanh Tịnh Độ ở phương Tây,
Chín phẩm hoa sen là cha mẹ.
Hoa nở thấy Phật chứng vô sanh.
Bồ Tát bất thoái là bạn hữu.”

Có thể tự đặt ra bài phát nguyện ngắn gọn cho riêng mình. Ví dụ: Con tên là.....pháp danh....., nguyện được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc khi mạng chung để con thoát khỏi luân hồi, sớm thành Phật đạo, cứu độ chúng sanh.

Chú ý: *Tổ Ấn Quang nói:* “Khi đọc bài văn phát nguyện, phải y theo nghĩa trong văn mà phát tâm nguyện; nếu chỉ nói suông, không thật lòng nguyện thì chẳng thể vãng sanh.”

58. **Ba câu Tự quy y:**

1. Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh thể theo Đạo cả, phát lòng Vô Thượng.
2. Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh thấu rõ kinh tạng, trí huệ như biển.
3. Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh thông lý đại chúng, hết thảy không ngại.

Quy y. Quy là quay về. Y là nương tựa. Quay về nương tựa Phật, nương tựa Pháp, nương tựa Tăng gọi là quy y Tam Bảo. (*Tam là ba. Bảo là quý báu. Tam bảo là ba ngôi quý.*)

1. **Tam Bảo bên ngoài.** Đối với những người tu pháp môn Niệm Phật thì:

Chữ Phật ở đây chỉ đức Phật A Di Đà. Chữ

Pháp chỉ những kinh của Tịnh Độ tông như kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ. Chữ Tăng chỉ Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí và những bậc chân tu đạo cao, đức trọng của tông Tịnh Độ.

2. ***Tam Bảo tự tâm. Hòa Thượng Tịnh Không giảng:***

“Tự quy y Phật là quay về nương tựa tánh giác sẵn có của mình: Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần³ không khởi phân biệt, chấp trước.

Tự quy y Pháp là quay về nương tựa sự thấy biết chân chánh của mình: Tư tưởng, lời nói, hành động đều hợp với kinh, luật, luận.

Tự quy y Tăng là quay về nương tựa vào tâm thanh tịnh của mình: Sống hòa hợp, thuận thảo với mọi người.”

59. **Pháp môn Niệm Phật rất giản dị, rất rộng lớn.**

1. ***Pháp môn Niệm Phật rất giản dị*** vì chẳng cần phải học, hiểu nhiều kinh sách, chẳng cần phải dứt sạch kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc. Chỉ cần hết lòng tin ưa, mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc, rồi tha thiết niệm Phật cầu được vãng sanh, không mong cầu điều gì khác.

2. **Pháp môn Niệm Phật rất rộng lớn.** Các bậc tri thức trong Phật giáo thường luận rằng: Pháp môn Niệm Phật gồm nhiếp cả Thiền, Giáo, Luật, Mật:

- Khi niệm Phật dứt trừ vọng tưởng, chấp trước. Đó là Thiền.
- Sáu chữ hồng danh bao gồm vô lượng nghĩa màu. Đó là Giáo.
- Niệm Phật tới cảnh giới sâu, ba nghiệp thân, miệng, ý, đều trong sạch, vắng lặng. Đó là Luật.
- Danh hiệu của đức Phật A Di Đà có công năng như một câu thần chú, hay giải oan, trừ nghiệp, mãn nguyện, hàng ma. Đó là Mật.

Tổ Ngẫu Ích nói: “Niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thuần thực thì tất cả tinh hoa của tam tạng kinh điển (*Kinh, Luật và Luận*) đều ở trong ấy.”

Pháp môn Niệm Phật còn gọi là rộng lớn vì hợp với mọi căn cơ; bất cứ ai, ở đâu, lúc nào cũng đều niệm Phật được, chỉ trừ những khi dụng tâm làm việc.

60. **Viễn nhân.** Viễn là xa. Viễn nhân là nhân tạo ra quả cách xa nhân nhiều kiếp.

61. **Nếu thành kính đến cùng cực thì công đức như trong kinh nói: Còn ở địa vị phàm phu chưa thể viên đắc, nhưng sở đắc cũng đã khó nghĩ bàn.** Viên là tròn, hàm nghĩa đầy đủ. Sở là chỗ. Đắc là được. Đoạn văn này có nghĩa là: Khi lễ Phật, niệm Phật, phát nguyện ... phải hết lòng thành khẩn và cung kính như đang ở trước Phật, cầu Phật tiếp dẫn; dù còn là phàm phu, chưa niệm Phật được một lòng không loạn, nhưng công đức do niệm Phật có được cũng đã rất nhiều, khó nghĩ bàn.

Si ám: Si là ngu muội. Ám là mờ tối. Si ám là ngu tối, mê mờ, chưa thức tỉnh.

62. **Câu niệm Phật tự nhiên thuần.** Vì sợ chết bị đọa vào ác đạo nên hết lòng niệm Phật, cầu Phật cứu, tự nhiên niệm Phật thuần thực, không có vọng tưởng.

63. **Khai ngộ.** Khai là mở ra. Ngộ là hiểu rõ.

Tự khai ngộ là tự giải bày, hiểu rõ những điểm quan trọng trong Chánh Pháp để tu.

64. **A Già Đà (Agada)** A Già Đà là một loại thuốc trong huyền thoại Ấn Độ, có tác dụng trị lành mọi thứ bệnh, giá trị vô lượng. Tổ Ấn Quang ví câu Phật hiệu với thuốc A Già Đà vì Phật hiệu cũng có khả năng chữa lành mọi thứ bệnh.

65. **Nghiệp** tiếng Phạn là “*karma*”, có nghĩa là hành động cố ý. Ví dụ: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tụng kinh, niệm Phật là những nghiệp thiện; sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, sân hận là những nghiệp ác.

Nghiệp báo. Tất cả nghiệp thiện, ác đã tạo ra gọi là nghiệp nhân, đều được giữ ở trong Tạng thức. Khi đủ duyên, nghiệp nhân phản ứng trở lại để cho ra nghiệp quả. Nhân nào, quả nấy: Gieo nghiệp nhân lành thì hưởng nghiệp quả tốt, tạo nghiệp nhân ác thì nhận nghiệp quả khổ.

Tái sanh. Khi chết Tạng thức mang nghiệp sang kiếp khác, tùy nghiệp mà vào cảnh giới mới. Có hai loại nghiệp ảnh hưởng nhiều tới việc tái sanh là Cận Tử nghiệp và Tập Quán nghiệp.

1. **Cận Tử nghiệp** là nghiệp tạo thành khi lâm chung, ảnh hưởng trực tiếp tới việc tái sanh nên rất quan trọng. Dù đã tạo những tội thập ác, ngũ nghịch⁴, đáng lẽ phải bị đọa vào đường ác, chịu khổ rất lâu dài. Nhưng lúc lâm chung hết lòng tin ưa mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc, niệm Phật cầu vãng sanh thì cũng vẫn được sanh về thế giới Cực Lạc⁶⁸, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử luân hồi, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui....

2. **Tập Quán nghiệp** là nghiệp tạo ra do thói quen hàng ngày. *Theo Tổ Thiện Đạo*: “Người tu pháp môn Niệm Phật phải thâm phục tâm: Đi, đứng, ngồi, nằm không lúc nào quên niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà để cầu Phật tiếp dẫn. Tập như vậy cho thành thói quen thì mười người tu, mười người vãng sanh; trăm người tu, trăm người về thế giới Cực Lạc.”

Nghiệp chướng là sự trở ngại do những nghiệp ác đã làm trong quá khứ.

66. **Vạn đức Hồng danh của Phật A Di Đà.** Đức: Viết tắt của công đức. Hồng là lớn, vĩ đại. Chữ vạn (10.000) ở đây ám chỉ rất nhiều, tất cả, vô lượng. Câu kinh này có nghĩa là: Danh hiệu vĩ đại của đức Phật A Di Đà chứa vô lượng công đức. Vì vậy, người niệm sáu chữ “*Nam mô A Di Đà Phật*” có rất nhiều công đức⁵⁰.

67. **Nẻo lành, đường ác.**

1. **Nẻo lành** là Người và Trời.

2. **Đường ác** là Súc Sanh, Ngã Quỷ và Địa Ngục

A Tu La vừa thuộc đường lành vừa thuộc đường ác vì họ tu nhân, cảm quả đều là thiện, ác xen tạp.

68. **Sự hữu ích của việc trợ niệm.**

-*Kinh Vô Lượng Thọ chép* : “Những chúng sanh nào nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà, mà vui mừng tin tưởng, dẫu chỉ một niệm dốc lòng hồi hướng, nguyện sanh về nước ấy, tức được vãng sanh, và ở vào bậc không còn thoái chuyển. Chỉ trừ những kẻ tạo tội ngũ nghịch⁴, hay chê bai chánh pháp.”

-*Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép*: “Chúng sanh gây nghiệp bất thiện: Năm tội đại nghịch (*tội ngũ nghịch⁴*), 10 điều ác độc (*tội thập ác⁴*). Tóm lại, đủ cả các điều chẳng lành. Kẻ ngu như thế, do tạo nghiệp xấu, đáng đoạ đường ác, trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng.

Nhưng kẻ ngu này lúc sắp lâm chung, may mắn gặp được bậc thiện tri thức⁴⁹ an ủi đủ điều, nói những pháp mầu, dạy xưng danh hiệu Phật A Di Đà. Người nọ hết lòng niệm chẳng dứt tiếng, được đủ 10 niệm. Nhờ xưng danh Phật, nên mỗi niệm trừ được tội sanh tử trong 80 ức kiếp. Khi vừa tắt thở, thấy hoa sen vàng như vàng mặt trời ở trước người ấy. Trong khoảng phút chốc, liền được sanh về thế giới Cực Lạc.”

69. **Thuyết thăm dò hơi nóng**: Khi lâm chung, người sanh vào cõi lành hơi nóng từ dưới bốc lên trên, sanh vào cõi ác hơi nóng từ trên toả xuống dưới. Nếu như cả thân lạnh hết:

1. **Khí nóng tụ lại trên đầu** là sanh trong cõi Thánh, thoát khỏi luân hồi sanh tử.
 2. **Hơi nóng ở mắt** là sanh trong cõi Trời.
 3. **Hơi nóng ở ngực**, sanh trong cõi Người.
 4. **Hơi nóng ở bụng**, sanh trong cõi Ngã Quỷ.
 5. **Hơi nóng ở đầu gối**, sanh trong cõi Súc Sanh.
 6. **Hơi nóng ở bàn chân**, sanh trong cõi Địa Ngục.
70. **Vãng sanh:** *Hòa Thượng Tịnh Không giảng:*
“Vãng sanh không phải là chết. Vãng sanh là sống mà ra đi. Trong lúc vãng sanh, người vãng sanh rất tỉnh táo, thấy Phật tới đón, theo Phật ra đi, bỏ lại cái xác thân tạm bợ, không còn cần dùng tới nữa. Khi tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy sẽ có thân khác trang nghiêm, thanh tịnh, bất hoại với đủ mọi tướng tốt, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui...Nhiều người do công phu niệm Phật được vãng sanh rất tự tại, biết trước ngày giờ ra đi; khi vãng sanh gương mặt đẹp hơn lúc bình thường...”

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ba Kinh Tịnh Độ**, dịch giả Thích Thiện Thông, 1999.
2. **Niệm Phật Thập Yếu**, soạn giả Thích Thiện Tâm, 2002.
3. **Lá Thư Tịnh Độ**, Hoà Thượng Thích Thiện Tâm trích dịch từ Văn Sao của Tổ Ấn Quang. P.L. 2500.
4. **Niệm Phật Sinh Tịnh Độ** của Hoà Thượng Thích Thánh Nghiêm. Thượng Tọa Chân Tính dịch 2006.
5. **Niệm Phật Tông Yếu** của Tổ Pháp Nhiên, dịch giả Viên Thông Nguyễn Văn Nhàn, 2009.
6. **Đường Về Cực Lạc** của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, 1986.
7. **Tuyết Hư Lão Nhân, Tịnh Độ Tuyền Tập**. Như Hòa dịch, phát hành 2008.
8. **Một đời vãng sanh chấm dứt luân hồi**. Niệm Phật Đường Diệu Liên phát hành 2010.
9. **Pháp Ngữ của Hoà Thượng Tịnh Không**. Tỳ Kheo Thích Nguyên Tạng dịch 2004.

10. **Hương Quê Cực Lạc**, do Hoà Thượng Thích Thiên Tâm dịch từ bộ Tư Quy Tập 1960.

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều sanh về Cực Lạc.

